

15- CHẾT VÌ VIỆC NGHĨA

Ngày xưa Ấn Độ có một khu rừng rậm to lớn, rậm rạp, có hàng ngàn hàng vạn chim chóc, thú rừng sống ở trong ấy. Đây là thế giới của loài động vật, từ đời này sang đời khác, chúng sinh sôi nảy nở trong khu rừng này. Mùa xuân, mầm lá non mềm mại xuất hiện trên mỗi cành cây, trăm hoa tỏa hương ngào ngạt, chim con theo mẹ tập bay, thú con theo bố tập chạy, giống như một cảnh thiên đường, hài hòa và tràn ngập hạnh phúc.

Có một hôm, khu rừng bỗng nhiên bốc lửa. Chim chóc, thú rừng nào bay nào chạy tìm đường thoát trong cảnh hỗn loạn, trong tiếng khóc than thảm thiết.

Những ngọn lửa không khác gì những chiếc lưỡi rắn cuộn tròn bay lượn khắp mọi nơi thiêu đốt, ánh lửa rực trời, sức nóng mãnh liệt.

Lúc ấy trong rừng có một con chim trĩ, cứ bay tới rồi bay về từ khu rừng cháy tới giòng nước sông, thì ra nó nhúng mình trong nước sông thấm ướt lông cánh rồi bay về rừng, hy vọng dùng những giọt nước ấy để dập tắt lửa.

Nhưng biển lửa dữ dội mênh mông ấy, làm sao có thể bị dập tắt được với một số lượng nước nhỏ bé như thế? Thế mà chim trĩ vẫn cứ bay đi bay về, như thể không hề thấy đó là một điều mệt mỏi khổ nhọc.

Trời Đế Thích thấy được việc ấy bèn hỏi:

- Này chim trĩ, ngươi đang làm gì thế? - Tôi đang cứu lửa trong khu rừng cháy!

- Thôi ngừng lại đi, đừng có ngu si như thế, với cái sức bé nhỏ yếu ớt của ngươi, thì làm sao dập tắt được ngọn lửa kia để mà cứu rừng được chứ! Ngươi có thể bay ra khỏi đây mà thoát thân, như thế chưa đủ cảm thấy mình may mắn lắm rồi sao?

Chim trĩ không đồng ý, trả lời rằng:

- Khu rừng này đã nuôi nấng tôi, có rất nhiều bà con thân hữu của tôi sống trong đó, nhà cửa của họ, con cái của họ, tất cả đều nương dựa vào khu rừng này mà sinh sống an lạc, tôi có sức khỏe, làm sao tôi có thể thấy nạn mà không cứu? Làm sao tôi có thể khoanh tay mà đứng nhìn được? Tôi không thể ích kỷ và lười biếng! Tôi phải cứu hỏa!

- Vậy thì với cái sức bé nhỏ yếu ớt của người, người tính chừng nào thì dập tắt được lửa?

- Tôi chết mới thôi!

Con chim trĩ trả lời không chút do dự.

Trời Đế Thích nghe thế, hết sức kinh ngạc lại cũng hết sức bội phục. Vua của trời Tịnh Cư biết chim trĩ có thể nguyện và tâm từ bi rộng lớn như thế bèn dập tắt lửa trong rừng giùm nó.

Về sau, khu rừng ấy vĩnh viễn xanh tươi, rậm rạp, đầu mùa thu gió có thổi hay mùa đông trời có tuyết, nhưng sinh khí trong rừng vẫn tràn trề như thể đang giữa một mùa xuân trường cửu.

Các loại chim bay, thú chạy vẫn từng đời, từng đời sinh sôi nảy nở, và nạn cháy rừng không bao giờ xảy ra nữa.

Con chim trĩ có tinh thần Bồ Tát ấy được các loài cầm thú trong rừng tưởng niệm muôn đời.

Biết trước rằng có những việc mình không thể làm được nhưng vẫn quyết tâm làm tới chết mới thôi, đó thật là một tinh thần cao cả!

Với cái tinh thần cúc cung tận tụy, tới chết mới thôi ấy, thì ai cũng có thể thành tựu được Phật đạo!

16- CHUYỆN KIẾP XƯA

Bảy trăm năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, tại nước Kê Tân ở miền Bắc Ấn Độ có một long vương hung ác tên là A Lợi Na xuất hiện, thường nổi gió to sóng lớn nhiều hại dân chúng, gây ra những tai họa rung trời chuyển đất. Lúc đó có hai ngàn vị A La Hán phát tâm vận dụng tất cả thần lực của mình để đuổi long vương A Lợi Na ra khỏi bờ cõi.

Một ngàn vị La Hán sử dụng thần lực cao nhất của mình làm cho đại địa chấn động, năm trăm vị phóng ra những tia ánh sáng cực kỳ mãnh liệt, năm trăm vị còn lại thì nhập định, vận dụng thiên lực mạnh mẽ. Các vị này hợp tác với một sức mạnh vĩ đại như thế mà chả làm cho long vương nhúc nhích chút xíu nào.

Trong lúc mọi người đang khổ não, có một vị tôn giả tên là Kỳ Dạ Đa bước đến. Ngài tiến đến ven bờ hồ, búng ngón tay ba lần chỉ long vương mà la to:

- Này con rồng kia! Ta truyền lệnh cho mi phải đi chỗ khác ngay, không được phép ở lại chốn này!

Long vương A Lợi Na nghe thế, không dám trì trệ, lập tức bay bổng đi mất.

Hai ngàn vị La Hán không hiểu được tại sao lại có một sự kiện lạ lùng như thế, làm sao lại có thể đuổi rồng đi một cách dễ dàng giản dị đến dường ấy. Một vài vị La Hán đến hỏi tôn giả Kỳ Dạ Đa:

- Chúng tôi cũng chứng đắc một quả vị như Ngài, cùng đoạn tận phiền não, cùng giải thoát sinh tử không có gì sai khác, chúng ta nhất loạt bình đẳng, thế mà sao chúng tôi cùng nhau hợp sức dùng tận cùng năng lực mà không làm cho con rồng nhúc nhích, còn tôn giả làm sao chỉ búng ngón tay ba lần mà nó riu riu ngoan ngoãn phục tùng rời khỏi đất này như thế?

Tôn giả đáp:

- Từ khi tôi còn là phàm phu, luôn luôn nghiêm trì cấm giới, thân khẩu ý không bao giờ dám tạo ác nghiệp nào, dùng tâm bình đẳng vô sai biệt để tu trì tất cả các pháp. Các vị không làm cho rồng lay chuyển là vì công đức tích tập không đồng với tôi vậy.

Hàng phục long vương A Lợi Na rồi, tôn giả Kỳ Đa Đa dẫn đoàn đệ tử tiếp tục con đường vân du về phía bắc.

Con đường dài hun hút, có khi chày ngang những miền đồng bằng rộng lớn, có khi thì đi vòng qua những sườn núi chập chùng, hai bên đường có những ngọn cây cao vút nghênh đón gió nam lay động cành lá. Tôn giả một mình đi bộ dưới tàn cây bóng mát, bỗng nhiên dừng bước, ngược đầu nhìn lên cành cây nơi có một con quạ đen đang đậu. Tôn giả nhìn kỹ nó rồi nhẹ mím cười, gật đầu.

Các vị đệ tử đi theo sau mấy bước, thấy thế không khỏi ngạc nhiên, hỏi ngài:

- Bạch tôn giả, vì sao ngài lại mím cười với con quạ đen?

Tôn giả đáp:

- Đúng lúc đúng thời ta sẽ nói.

Đoàn người lại tiếp tục hướng về phía trước mà đi, tới một toà thành bằng đá. Vừa mới bước qua cổng thành, tôn giả bỗng biến sắc mặt, lộ vẻ vô cùng buồn rầu. Mọi người đều lo lắng nhưng không ai dám hỏi. Lúc ấy là giờ cơm trưa, họ vào thành khát thực. Dùng cơm xong họ ra khỏi thành, tới cửa thành, tôn giả lại biến sắc mặt, buồn rầu như lúc mới tiến vào cửa thành ban nãy. Các vị đệ tử không chờ được nữa, họ quỳ xuống khẩn khoản hỏi:

- Bạch tôn giả, thỉnh ngài giải nghi cho chúng con, tại sao ngài lại cười với con quạ đen, và tại sao ngài lại hai lần biến sắc mặt tại nơi này?

Tôn giả thở dài một tiếng, lộ vẻ âu sầu mà trả lời rằng:

- Chín mươi một kiếp trước, lúc Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết Bàn rồi, ta sinh làm con một vị trưởng giả. Khi ta phát biểu chí nguyện xuất gia học đạo, cha mẹ già ngăn lại:

- Khoan đã, con phải biết là trong đời người, không có con nói dối là tội bất hiếu lớn nhất. Con đi rồi, ai sẽ là người nói dối tông đường nhà ta đây? Con hãy cưới vợ trước đã rồi nói chuyện sau.

Ta bận bịu chuyện gia đình một thời gian, cưới vợ xong xuôi ta lại đem chuyện xuất gia ra thưa với cha mẹ, nhưng cha mẹ lại nói:

- Nếu con sinh được một đứa con thì ta sẽ không ngăn cản con nữa.

Không lâu sau, ta sinh được một đứa con trai. Khi đứa bé bập bẹ biết nói, ta lại không chờ được nữa, xin với cha mẹ rằng:

- Bây giờ thì cha mẹ có thể để cho con thành đạt nguyện vọng xuất gia của con rồi chứ?

Cha mẹ ta không nghĩ ra lý do nào để ngăn trở ta được, bèn lén xúi con ta đến kêu khóc van nài như sau:

- Cha ơi cha không thể đi, nếu không hãy mang mẹ con con đi theo, cha không thể bỏ mẹ con con được, ôi...

Làm cha, nghe con khóc kể van xin như thế, ý chí xuất gia bị rung chuyển, ta sinh lòng quyến luyến cốt nhục thân tình, nên vờ về con mà nói một cách thương yêu:

- Cha sẽ không đi đâu cả, cha sẽ ở mãi với con!

Nhân duyên này đã khiến ta phải tiếp tục lưu lạc trong đường sinh tử. Hôm nay ta dùng thần thông nhìn lại họ hàng thân thích trong quá khứ, thấy rằng lúc sống thì cùng nhau thương thương, mến mến, nhưng một khi chết rồi thì đường ai nấy đi, rất khó mà gặp lại nhau tuy vẫn cùng nhau luân lạc trong lục đạo. Con quạ đen ban nãy trên ngọn cây chính là con trai ta trong đời quá khứ, không ngờ nó lại đến nỗi này. Coi như còn có duyên nên hơn mười kiếp qua rồi mà còn gặp mặt nhau.

Tôn giả nói tới đây thì ngừng lại, có vẻ như vô cùng xúc động.

- Và chuyện gì đã xảy ra ngoài toà thành?

Một vị đệ tử xen vào hỏi.

- *Ta biến sắc mặt ở ngoài cửa thành là vì ta thấy một đứa bé nga quý thân thể yếu mòn, cầu cứu với ta rằng:*

- *Thỉnh tôn giả vào thành nói với mẹ con rằng con ở ngoài ngày trông ngóng mẹ đi kiếm thức ăn, đợi đã 70 năm rồi mà vẫn chưa về, con nay quá đói khát không chịu đựng được nữa!*

Ta vào thành chuyển lời đứa con đến nga quý mẹ. Quý mẹ khóc lóc mà rằng:

- *Thưa tôn giả, con cũng biết thế, đã vào thành 70 năm rồi, không lúc nào là không lo nghĩ tới nó, nhưng con không còn cách nào cả. Lúc còn sống không biết kết duyên lành với người khác, lại không gieo trồng phúc đức nào, nên bây giờ xin ăn rất khó. Tuy chỉ kiếm được những món ăn bất tịnh cầu uế như máu mủ, nước mắt nước dãi, phân và nước tiểu các thứ, nhưng vì con mới sinh xong còn yếu ớt, nên hễ mới kiếm được vật chi là bị quỷ bạn mạnh hơn cướp mất. Lần này khó khăn lắm con mới kiếm được thức ăn, giấu giấu điếm điếm đến được cửa thành, thì bị bọn lính quý giữ cửa cản lại không cho ra. Tôn giả! Xin ngài thương xót hai mẹ con chúng con, giúp cho chúng con gặp lại nhau, chia nhau mấy món ăn bất tịnh này!*

Ta đem nga quý mẹ ra ngoài thành, nhìn thấy hai mẹ con mừng mừng, tủi tủi chia nhau thức ăn, lòng ta rất buồn, không tự chủ được nên hỏi:

- *Ngươi ở đây bao lâu rồi?*

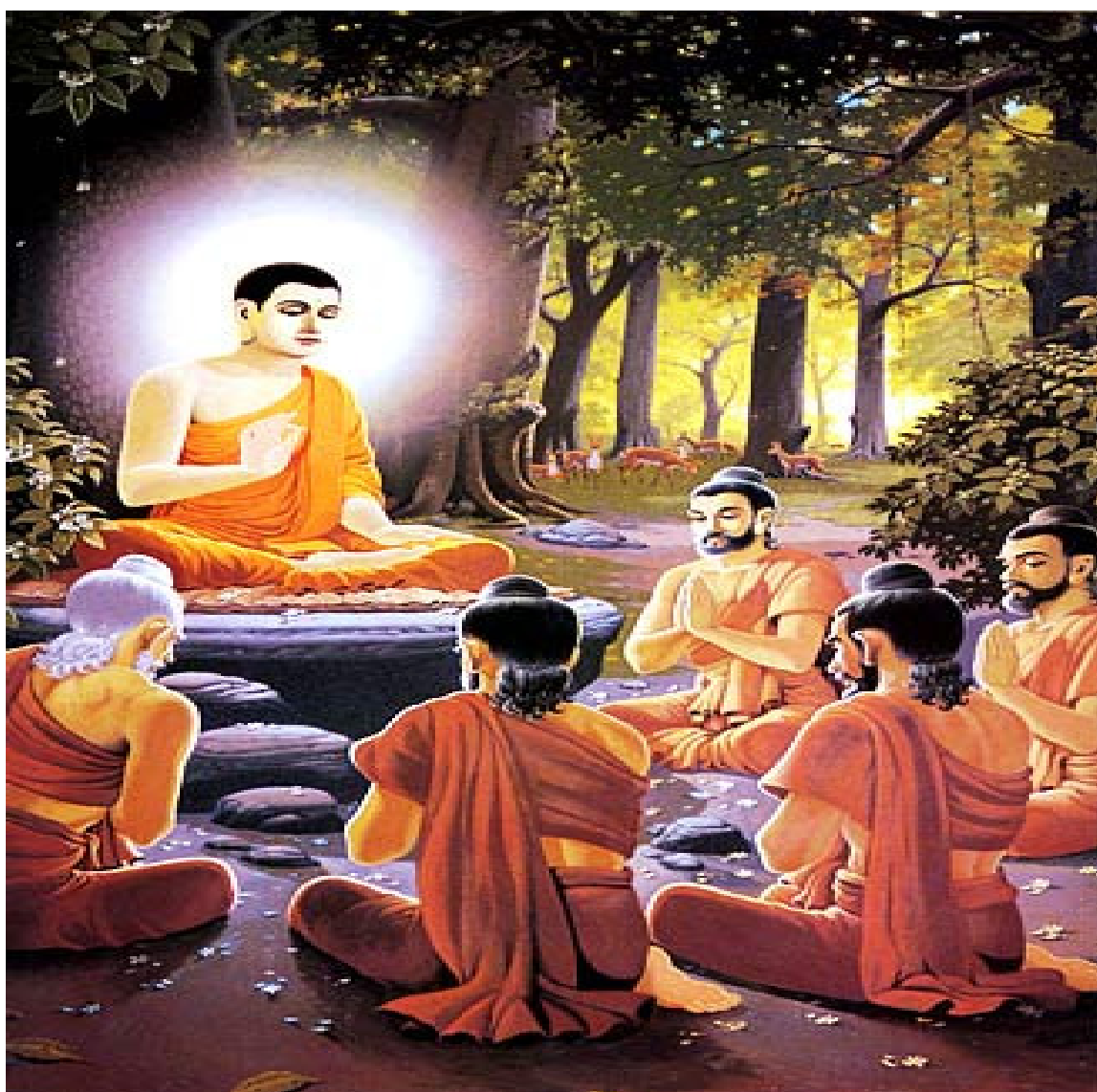
Quý mẹ đáp:

- *Con không biết ở đây được bao lâu rồi, chỉ biết rằng toà thành trước mắt đã được dựng lên rồi đổ xuống, đổ xuống rồi lại được dựng lên tổng cộng là 7 lần rồi!*

Ôi! Ta thở dài. Thời gian sung sướng thì luôn luôn ngắn ngủi, còn lúc gặp khổ đau thì lâu dài vô cùng. Không ngờ thọ mệnh của nga quý lại lâu dài đến dường ấy!

Tôn giả nói xong, các vị đệ tử đứng nghe đều kinh hoàng, ai nấy không lạnh mà run. Ai cũng có thể làm một chuyện gì đó đưa đến một hậu quả ghê rợn như vậy. Nếu không tinh cần tu hành, nếu không dùng Phật pháp làm quỹ đạo, chỉ một lần sơ xuất là khổ hận thiên thu!

Đến đây đoàn người lại hướng về phía trước mà đi, bước đi vô cùng vững chải. Mọi người cảm thấy phấn chấn, tinh thần sung mãn, họ quyết nhắm hướng con đường ánh sáng đặng trước mà đi tới.



17- CÔ GÁI LỘ LEM

Ngày xưa ở Ấn Độ có một quả núi tên là Trú Âm, trên núi, có những gốc cổ thụ vươn lên tới trời, có kỳ hoa dị thảo, bóng người lại thưa thớt, thật là một khung cảnh lý tưởng cho việc tu hành.

Từ xưa đã có rất nhiều vị tu đạo lên núi Trú Âm tịch tĩnh này để tu luyện nên chẳng bao lâu núi đã trở thành một đạo tràng thánh thiện và thanh khiết, được muôn người ngưỡng mộ tìm tới, nhất là người từ xa xôi đến thiết trai cúng dường cầu phước thì lại dồi dào không ngớt lai vãng.

Một hôm có một vị trưởng giả chuẩn bị thật nhiều cao lương mỹ vị và đưa người nhà lên núi để cúng dường chư tỳ kheo. Trên đường, có một cô gái ăn xin vừa tròn 18 tuổi trông thấy được, cô không khỏi nghĩ rằng "*Hôm nay trưởng giả đem nhiều thức ăn như thế để cúng dường các sư phụ xuất gia, nếu ta đi theo xin ăn, thế nào lại chẳng được một bữa cơm no nê thỏa thích, mấy bữa nay đã không có gì vào bụng...*" Nghĩ thế xong, cô vui tươi tung tăng chạy lên núi. Nhưng khi cô lên đến núi, thấy trưởng giả bày ra những thức ăn trân quý ngon lành thì cảm xúc mà nghĩ rằng:

- Kiếp trước trưởng giả đã tu phúc nên kiếp này được quả báo giàu sang phú quý, bây giờ lại có thiện tâm như thế, lập đàn trai cúng dường chư tăng, tạo nhiều công đức, phúc báo kiếp sau chắc chắn sẽ còn to lớn hơn kiếp này nhiều!

Còn ta sao mà đáng thương! Kiếp trước không biết tu phúc nên kiếp này nghèo khổ, nếu bây giờ lại cũng không biết tu phúc, thì kiếp sau sẽ còn nghèo khổ biết bao nhiêu! Mấy bữa trước bươi đồng rác lượm được hai đồng tiền, tại sao hôm nay lại không đem hai đồng ấy lên cúng dường cho các sư phụ xuất gia? Dầu với hai đồng ấy ta có thể mua được hai cái bánh để ăn, nhưng nếu đem cúng quý thầy chắc cũng không đến nỗi chết đói !

Nghĩ xong, chờ các vị tỳ kheo dùng bữa xong xuôi, với cái tâm cực kỳ cung kính, cô hai tay nâng hai đồng tiền lên hiến tặng các ngài. Theo tục lệ của núi ấy, khi có người đến cúng dường thì vị thầy tri khách sẽ ra chúc phúc cho thí chủ. Nhưng hôm ấy, chính đại hoà thượng trụ trì thân hành ra chúc phúc cho cô gái nghèo khổ nọ:

- Trong tâm cô bé này, có bao nhiêu bảo vật trên thế gian cô đều đã đem ra cúng dường cho người xuất gia. Con bố thí là vì muốn tu phúc, nên nay ta chúc con vĩnh viễn không còn nghèo khổ bản cùng nữa.

Cô gái nghèo nghe hòa thượng trụ trì chúc phúc như vậy, lòng cảm thấy rất vui mừng và an ổn, chưa kể cô còn được đại chúng cho ăn một bữa cơm. Lúc ấy cô thật sự đắc được pháp lạc vô thượng.

Ăn no rồi, cô rời khỏi cổng núi không lâu thì ngồi xuống một gốc cây lớn nghỉ ngơi. Lúc ấy, mặt trời từ từ hướng về phía tây mà bóng mát của cây ấy không hề chuyển động, và bên trên còn có đám mây ngũ sắc che phủ nữa, thật là một hiện tượng vô cùng lạ lùng!

Cũng chính ngay lúc ấy, vua của quốc gia nọ nhân vì hoàng hậu mới qua đời nên tâm tư buồn bã không nguôi, ông bèn lên xa giá đi dạo một vòng sơn thủy cho khuây khoả. Trên đường đi, lại đi ngang gốc cây cô gái nghèo đang nghỉ ngơi. Vua nhìn thấy cô gái đang ngủ dưới đám mây ngũ sắc, giật mình ngỡ rằng là tiên nữ cõi trời, lầm bầm tự bảo:

- Thiếu nữ này là tiên hạ phàm, thân hình sao mà kiều diễm, khuôn mặt sao mà tuyệt vời, ai thấy mà không thương!

Thế rồi bèn hạ lệnh:

- Các người hãy bồng nàng lên xe cho ta!

Cô gái nghèo giật mình thức giấc, ngơ ngác mở to đôi mắt, thấy hai bên có đàn ông đang vực mình lên thì kinh hoàng la thất thanh:

- Ôi! Các ông là ai? Có chuyện gì vậy?

- *Cô đừng sợ! Chúng tôi không có ý hại cô, chính đại vương muốn đưa cô về hoàng cung đấy thôi!*

Cô gái được đỡ lên xe rồi, nhà vua ngồi xuống cạnh nàng và dịu dàng hỏi:

- *Năm nay nàng được bao nhiêu tuổi rồi?*

- *Mười tám tuổi.*

- *Nàng xinh đẹp và dễ thương quá, ta rất thích nàng, ta muốn đưa nàng về cung làm đệ nhất phu nhân, chẳng hay nàng có bằng lòng không?*

Cô gái nghèo liếc nhìn nhà vua rồi e thẹn cúi đầu mỉm cười. Cô như bị mê hoặc, không dám tin mình lại may mắn dường ấy. Một cô gái nghèo ăn xin, làm sao mà một bước trở nên một vị đệ nhất phu nhân của cả một nước? Cô suy nghĩ như thế nên đờ đẫn cả người.

- *Sao? Nàng không bằng lòng ư? Tại sao không nói một lời nào?*

- *Đại vương! Thiếp không biết mình đang mơ hay tỉnh.*

- *Nàng không mơ đâu, đây là sự thật.*

Về tới hoàng cung, nhà vua lập tức hiệu triệu toàn dân, giới thiệu cho họ đệ nhất phu nhân mới.

Khi nàng được lên làm đệ nhất phu nhân rồi, thì cơm no áo ấm, cuộc sống vô cùng sung sướng. Nhưng trong tâm tư nàng không ngớt suy nghĩ:

- *Nếu hôm nay ta được may mắn như thế này là nhờ lúc trước có cúng dường hai đồng bạc. Như vậy quý sư phụ trên núi không phải là đại ân nhân của ta sao?*

Nghĩ thế xong nàng bèn thưa với vua rằng:

- *Đại vương! Thiếp vốn là một cô gái con nhà hạ tiện, nay được đại vương đoái thương cho làm đệ nhất phu nhân, cố nhiên ân huệ ấy thiếp cảm tạ không cùng. Nhưng thiếp cũng muốn cảm tạ các vị xuất gia trên núi đã nhận hai đồng tiền của thiếp, thiếp muốn*

đem vài thứ lên cúng dường các ngài để tỏ lòng biết ơn, chẳng hay đại vương thấy thế nào?

- Tốt lắm, nàng muốn gì thì cứ làm, tùy ý.

Hoàng hậu bèn cho chuẩn bị thật nhiều trân bảo và cao lương mỹ vị, phải dùng tới mấy chiếc xe chở lên núi Trú Âm cúng dường.

Cúng dường xong, đến giờ chúc phúc, thì vị đại hoà thượng trụ trì ngày nào, hôm nay không hề xuất hiện, lại cử vị thầy tri khách thế ngài ra chúc phúc. Hoàng hậu thấy thế không khỏi lấy làm lạ:

- Xưa kia tôi chỉ cúng dường có hai đồng tiền, mà hòa thượng trụ trì đích thân ra chúc phúc cho tôi. Hôm nay tôi đem bao nhiêu là thức ăn và trân bảo đến cúng dường, mà tại sao hòa thượng không ra chúc phúc cho tôi?

Tất cả mọi người ai cũng thắc mắc điều ấy. Hoà thượng trụ trì biết được mối nghi vấn của đại chúng nên mới triệu tập mọi người lại mà dạy rằng:

- Xưa kia, cô ấy chỉ cúng có hai đồng tiền, vật cúng tuy ít ỏi nhưng cô cúng với cả một cái tâm kính cẩn chân thành. Đó là điều cao quý cùng tột. Nay cô đến với hàng mấy chiếc xe chở đầy cao lương mỹ vị và bảo vật quý giá, nhưng cô lại cúng dường với cái tâm ngã mạn. Phật Pháp không trọng vật chất mà chỉ trọng sự phát tâm, vì thế lần này ta không đích thân ra chúc phúc cho cô Quý vị hãy hiểu cho rõ việc cúng dường trong Phật Pháp.

Hoàng hậu và chúng tỳ kheo nghe hoà thượng trụ trì nói như thế rồi, thì lòng cảm thấy vừa tầm quý nhưng lại vừa rất vui mừng, lúc bấy giờ họ mới hiểu rõ ràng thế nào là ý nghĩa chân chính của sự cúng dường hay bố thí.

18- CÓ LÀM CÓ CHỊU

Lúc Đức Thích Ca Mâu Ni trụ tại thành Vương Xá, một hôm có một người lái buôn tên gọi là Phát Ca Sa muốn đi mua hàng hóa, nên sáng sớm đi đến thành La Việt, nhưng vừa tới cổng thành thì đã bị một con trâu húc chết.

Chủ con trâu thấy thế, sợ nếu giữ con trâu hung ác này lại thì về sau thế nào cũng sẽ xảy ra chuyện không lành, nên bèn đem con trâu đi bán với một giá rẻ mạt.

Người chủ mới mua trâu xong bèn dắt trâu về nhà. Đi được nửa đường gặp một con sông, ông muốn cho trâu uống nước. Không ngờ không những trâu không uống nước, mà bản tính hung bạo dữ dằn của nó thành linh nổi dậy, nó dùng sừng húc người này chết tươi.

Người nhà của nạn nhân thấy thế mới nổi giận đem con trâu ra giết, rồi đem thịt ra chợ bán. Có một người nông phu tham giá rẻ, mua đầu trâu về, lấy dây cột sừng trâu lại rồi xách về nhà.

Ấn Độ là một nước nhiệt đới, vô cùng nóng bức. Người nông phu đi được một đoạn đường thì vừa nóng vừa khát, bèn treo đầu con trâu lên một cành cây rồi ngồi dưới gốc cây này nghỉ ngơi.

Quái lạ thay, sợi dây cột đầu con trâu mắc lên cành cây bỗng dung vô cớ đứt đoạn, khiến đầu con trâu rơi xuống, trúng ngay đầu người nông phu khiến ông này bị trọng thương mà chết ngay tại chỗ.

Chỉ trong vòng một ngày mà con trâu này đã giết chết hết ba người.

Vua Tần Bà Sa La nghe tin này rất lấy làm lạ, biết rằng bên trong phải có nguyên do gì đây. Ông bèn dẫn một số đại thần, đem hoa quả hương đèn tới núi Linh Thứu lễ Phật rồi thỉnh Ngài thuyết giải cho nghe.

Đức Phật kể cho vua Tần Bà Sa La nghe rằng:

- Hồi xưa có ba người lái buôn đi qua nước láng giềng làm ăn mua bán. Họ muốn để dành tiền nên chiều hôm ấy, thay vì đi tìm khách sạn, thì lại ghé đến nhà một bà lão xin mượn một căn phòng. Hai bên thỏa thuận giá cả xong, họ ở lại nhà bà lão ngủ qua đêm ấy. Sáng hôm sau, bà lão có việc phải đi ra ngoài, ba người thừa cơ hội bà vắng mặt liền trốn đi mất.

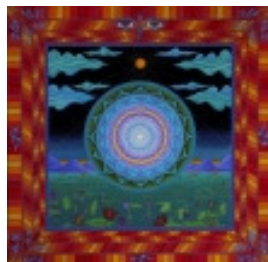
Về tới nhà thấy thế, bà lão tức giận vô cùng, đuổi theo họ đòi tiền. Ba người phải gánh vác hành lý nặng nề nên đi chưa được xa đã bị bà lão bắt kịp. Họ thấy bà lão già cả, dễ ức hiếp, nên nặng lời nhục mạ chưởi mắng bà. Bà lão không làm gì được họ, phẫn uất mà nói:

- *Mấy người chỉ là một phường vô lại, thấy tôi già cả nên mới ức hiếp nhục mạ tôi. Nhưng hành động này của mấy người thế nào cũng có ngày trả báo. Kiếp này tôi không làm gì mấy người được, nhưng kiếp sau, dẫu tôi có sinh ra làm người hay dẫu có mất thân người đi nữa, tôi cũng quyết sẽ báo thù. Tôi sẽ giết hết cả ba người, có thể mới hả được niềm căm hận này.*

Đức Phật thuyết câu chuyện nhân duyên ấy quả báo xong, Ngài nói tiếp:

- *Con trâu hung ác chỉ nội trong một ngày mà giết hại hết ba mạng người chính là bà lão tái sinh. Ba người lái buôn đã khinh miệt bà lão trong kiếp xưa, kiếp này đã lần lượt bị trâu húc chết trong vòng một ngày.*

Tội phúc như chiếc bóng đi theo mỗi người, nếu mình khinh miệt người khác mà làm việc trái với lương tâm, thì cũng chỉ có mình tự chịu lấy quả báo đau khổ về sau mà thôi!



19- CON CHÓ BIẾN THÀNH BÀ HOÀNG

Thời Phật pháp thịnh hành ở trung Ấn Độ, trong một toà thành nọ, có một vị đệ tử tại gia của Đức Phật phát tâm cúng dường một vị tỳ kheo, đi tìm hỏi khắp nơi mới tìm được một vị tỳ kheo đã chứng quả A La Hán, bèn thỉnh vị này mỗi ngày đến nhà mình để nhận cúng dường.

Trong nhà vị cư sĩ nói trên có nuôi một con chó, khi vị tỳ kheo dùng cơm, thì con chó ngồi xổm bên cạnh bàn. Vị tỳ kheo thuận tay nắm một viên cơm cho con chó ăn. Con chó được ăn, nên có rất nhiều thiện cảm với vị tỳ kheo.

Vị tỳ kheo mỗi ngày đến ăn cơm, thì con chó cũng mỗi ngày được ngài cho ăn. Con chó nhớ tưởng đến vị tỳ kheo, vị tỳ kheo cũng biết được tâm niệm của con chó nên cứ tới giờ là cho nó một nắm cơm. Do đó con chó càng có thêm thiện cảm đối với vị tỳ kheo.

Cứ thế trong suốt một năm trời, con chó tới số chết, đầu thai trong hoàng cung của vua nước An Tức làm công chúa. Sinh ra, cô đã biết kiếp trước của mình, lúc còn làm chó trong nhà một vị cư sĩ và ngày ngày chia cơm với vị tỳ kheo, sự việc ra sao cô đều nhớ rõ ràng. Một hôm, vua nước Nguyệt Đê phái Sử Tiết đến nước An Tức. Vua nước An Tức thấy Sử Tiết là người hiền lại có tài, và còn rất thông minh nên bèn gả công chúa cho Sử Tiết, bảo đưa công chúa về nước Nguyệt Đê.

Công chúa theo chồng về nước Nguyệt Đê, mỗi lần gặp một vị tỳ kheo xuất gia là trong lòng cô rất vui mừng. Cô hồi tưởng lại lúc trước đội lột con chó, vì được một vị tỳ kheo cho ăn cơm, có thiện cảm đối với ngài, kiếp này mới có được thân người. Để tỏ lòng tri ân báo ân, cô nghĩ tốt nhất là nên lập đàn trai thật lớn để cúng dường tăng chúng.

Phật pháp tại nước Nguyệt Đê rất hưng thịnh, tỳ kheo xuất gia rất đông. Mỗi ngày công chúa đem thức ăn đến cúng dường cho từ 400 đến 500 vị, tất cả đều một tay cô lo liệu, tuyệt đối không mượn tay khác nào làm. Lo việc cúng dường hoàn tất rồi, cũng chính tay cô lo việc chùi rửa dọn dẹp. Người hầu, nô tỳ trong nhà đều một lòng tán thán cô, và phong cho cô tước hiệu "vương thí":

- Công chúa tới chỗ này mà còn mỗi ngày tự tay lau chùi sạch sẽ thì chúng ta cũng nên gia công nỗ lực!

Sau đó, bọn nô tỳ lén dấu chổi đi, nghĩ rằng họ sẽ tự lo việc chùi rửa, không nên để công chúa làm những việc như thế nữa. Công chúa đòi lại chổi mãi không được, bèn lấy từ trong rương một chiếc áo mới mặc hôm trước, cuộn tròn lại làm cái chổi quét đất. Người chồng thấy công chúa lấy áo làm chổi quét đất, bèn nói:

- Tại sao nàng không dùng chổi lại dùng áo quét đất, như thế không uổng phí lắm sao?

Công chúa trả lời:

- Trong tiền kiếp thiếp không hề có lấy một vật gì có thể dùng để bỏ thí, chỉ có thiện tâm đối với một vị tỳ kheo thôi mà kiếp này được hưởng phúc báo, sinh ra làm công chúa. Thiếp chưa bao giờ phải lo mưu cầu sinh sống, tự nhiên có được áo, thì dùng nó làm chổi có gì đâu là uổng phí?

- Nàng tuy lễ kính Phật pháp, cúng dường tỳ kheo, nhưng ta chưa hề thấy mấy ông tỳ kheo cho nàng được một đồng một chữ nào, trong khi đó áo nàng mặc là do ta lao lực kiếm tiền mà có.

Người chồng nói để khuyên bảo công chúa. Công chúa bèn giải thích cho chồng hiểu:

- Thiếp nghe một vị A La Hán nói, kiếp trước thiếp là một con chó, được nuôi trong nhà một vị đệ tử của Đức Phật. Mỗi ngày có một vị tỳ kheo đến nhà người này dùng cơm, thiếp bèn ngồi ở dưới bàn đọi vị tỳ kheo nọ bốc một nắm cơm cho thiếp ăn. Thiếp rất có thiện cảm với tỳ kheo, do nhân duyên ấy mà kiếp này đầu thai vào trong nhà quốc vương. Thiếp xin hỏi chàng, tất cả những gì thiếp có hôm nay không phải là do vị tỳ kheo ấy ban cho thiếp hay sao?

Người chồng nghe xong, thấy vợ nói rất có lý, bèn nói:

- Nàng chỉ có mỗi một sự là đem thiện tâm đối xử với một vị tỳ kheo mà được phúc báo to lớn như vậy, Phật pháp quả là không thể nghĩ bàn!

Sự thật thì người chồng này hơi có chút bủn xỉn, nhưng khi được nghe công chúa kể cho nghe chuyện nhân quả phúc báo thì tâm liền biến chuyển, từ đó biết bố thí cho người nghèo, cúng dường chư tăng mà không sinh lòng tiếc rẻ, giúp cho Phật pháp được hoằng dương trong dân gian.



20- CÔNG CHÚA LỘT XÁC

Vua Ba Tư Nặc nước Kiêu Tát Di La ở Ấn Độ, là một ông vua nhân từ, gần gũi dân chúng, hết lòng chăm lo việc nước và trị vì quốc gia rất khéo léo. Vì thế tên của vị vua hiền này lan xa khắp bốn phương, ai ai cũng ngưỡng mộ. Nhưng ngay bản thân ông, có một điều làm cho ông vô cùng buồn tiếc.

Vua Ba Tư Nặc và hoàng hậu tức là Mạt Lợi phu nhân sinh được một cô con gái tên là Ba An Lạp Công chúa Ba An La bất hạnh nên sinh ra đã vô cùng xấu xí, da dẻ sần sùi, khó coi giống như quỷ Dạ Xoa mẫu không khác. Vì sợ bị chê cười nên vua dặn dò người trong cung phải cẩn thận giữ gìn, người ngoài không ai được thấy mặt công chúa. Vì thế công chúa bị nhốt trong cung cấm từ nhỏ, chưa hề gặp mặt một người lạ nào.

Tuy mặt mày cô xấu xí nhưng dầu gì cô cũng là con gái của Mạt Lợi phu nhân vốn là một hoàng hậu nhân từ, thương người, nên không ai dám coi thường cô và lơ là trong việc chăm sóc cho cô.

Con người sống trên dương thế ví như khách lên xe và xuống xe : lúc nhảy lên xe là lúc bắt đầu cuộc sống, và cứ thế cho đến lúc xuống xe là lúc trút hơi thở cuối cùng. Trong khoảng giữa, con người sẽ phải sống qua mọi nỗi vui buồn thương ghét của cuộc đời mình. Một khi xe chuyển bánh là cứ hướng thẳng về phía trước mà chạy không bao giờ ngừng, mỗi phút mỗi giây đưa khách dần dần về tới trạm chót. Khách lên xe, không cần biết là giàu hay nghèo, quý phái hay hạ tiện, đẹp hay xấu, khôn hay ngu, không ai là không phải trải qua cái lúc lên và xuống xe ấy. Công chúa Ba An La, con gái của Mạt Lợi phu nhân cũng theo dòng tiến hóa của thời gian mà trưởng thành. Khi cô tới cái tuổi thanh xuân tươi đẹp nhất của đời người con gái, nhưng với một khuôn mặt như thế, vua Ba Tư Nặc rất lầy lăm lo lắng cho việc hôn nhân của cô. Con gái lớn phải có chồng, dầu sao công chúa cũng không thể vĩnh viễn sống cô quạnh ở chốn thâm cung. Nhưng điều làm cho vua và hoàng hậu khó xử nhất chính là địa vị của mình : đường đường là vua của một nước mà lại không thể gả công chúa cho người mình chọn. Vua và hoàng hậu bàn bạc mãi về vấn đề này nhưng không tìm ra được một giải pháp nào khả dĩ gọi là tốt đẹp. Cuối cùng, họ chỉ còn

cách bí mật gửi sứ giả đi ra ngoài thành dò xét, xem có nhà nào có con trai thuộc hạng danh gia vọng tộc nhưng cảnh nhà sa sút, đời sống khó khăn khiến người con trai ấy không thể kiếm vợ, đưa người thanh niên ấy về cung. Vài ngày sau, sứ giả đưa về một thanh niên quần áo rách mướp nhưng mặt mũi sáng sủa thanh tú. Vua thay đổi thường phục, ra vườn sau gặp người này ở một nơi vắng vẻ và nói:

- Nói thật với người, ta có một đứa con gái đã đến tuổi lấy chồng nhưng rất xấu xí. Nếu người ưng thuận thì ta sẽ gả công chúa cho người, bù lại ta sẽ cung ứng tất cả các thứ như nhà cửa, ăn uống vật dụng cho hai người sau này. Vậy ý kiến của người ra sao?

Người thanh niên nghe nhà vua nói thế bèn quỳ xuống đất khấu đầu trả lời:

- Tâu bệ hạ, tổ tiên hạ thần tuy thuộc giòng hào phú, nhưng nay cảnh nhà đã sa sút nhiều. Bệ hạ không ghét bỏ, giả như có đem tỳ nữ gả cho hạ thần, hạ thần còn phải mang ơn mà báii tạ thay, huống hồ bệ hạ có lòng thương đem công chúa gả cho hạ thần, thì hạ thần đâu có lý do gì mà không tuân lệnh!

Bao nhiêu ưu tư từ bao nhiêu năm nay, vua Ba Tư Nặc coi như đã giải quyết xong vì con gái của mình đã có nơi nương tựa. Mọi sự quyết định đâu đó rồi, vua bèn xây cho công chúa một toà cung điện tráng lệ, phía trong có 7 lớp cửa. Các lớp cửa này sẽ được khóa chặt mãi mãi, chìa khóa sẽ do phò mã đeo trong thân không lúc nào rời. Trong nhà có khoảng trăm cô nô tỳ, nhưng ai ở đâu thì phải ở mãi đó, người trong nhà không được đi ra ngoài và người từ bên ngoài cũng không được vào trong, mọi chi phí trong nhà đều do hoàng cung đài thọ. Lại sợ phò mã bị người ta coi thường nên vua còn phong cho phò mã một tước vị cao quý. Tới đây thì nhà vua coi như mọi vấn đề đã được giải quyết ổn thỏa.

Ở Ấn Độ thời ấy, có phong tục là những người nhà giàu phải luân phiên nhau tổ chức một buổi lễ họp mặt hằng tháng, gọi là "ngu lạc hội" và mời nhau đến tham dự để cùng nhau gặp gỡ, liên kết cảm tình.

Trong các buổi lễ ấy, ai ai cũng đều có đôi có cặp, chỉ riêng phò mã là lúc nào cũng đến một thân một mình. Sau hơn một năm trời, mọi người đều thấy như có điều chi khả nghi Họ nghĩ rằng phò mã và công chúa kết hôn chưa được bao lâu, không lẽ tình cảm đã sút mẻ rồi hay sao? Hay công chúa sợ bị người khác nhìn thấy? Vậy thì chắc công chúa

phải là một tuyệt sắc giai nhân, hay là quý dạ xoa đội lốt, nếu không thì tại sao chưa ai được thấy mặt bao giờ? Họ muốn biết công chúa là người như thế nào nên bèn nghĩ ra một kế : trong một buổi ngu lạc hội, mọi người đặc biệt chăm sóc phò mã. Lúc uống rượu, họ bày ra cuộc chơi đổ rượu (ai thua thì phải uống rượu phạt), và họ gạt phò mã uống rượu cho đến say mềm. Sau đó họ lục trong người phò mã lấy xâu chìa khóa và một số người được cử đi đại diện, chạy bay đến cung điện để nhìn mặt công chúa.

Lúc đó, công chúa An Ba La bị cấm cung, theo lệ thường chờ chồng đi dự hội, một mình ở nhà âu sầu áo nã. Cô tự hận mình đã tạo tội nghiệp đời trước nên bây giờ mới bị vua cha giam cầm, bị chồng ghét bỏ, suốt đời bị nhốt trong cung cấm, không bao giờ được thấy ánh mặt trời, không bao giờ được thở không khí trong lành. Sống một cuộc đời đen tối như thế, thì hỏi sống có ý nghĩa gì? Nghĩ đến đây, nước mắt cô như một giòng châu tuông lả chả. Bỗng cô nhớ lại lời dặn của mẹ "*Đừng tuyệt vọng, nghiệp chướng có sâu dày tới đâu đi nữa, chỉ nên thành tâm cung kính Tam Bảo khẩn cầu sám hối. Đức Phật từ bi thường làm lợi ích chúng sinh, có thể giải trừ khổ nạn*".

Câu nói của mẹ cô đã làm cho công chúa khởi lên một niệm thiện tâm chí thành. Mỗi khi chồng cô đi ra ngoài, cô lại bày hương án hướng lên không trung lễ bái, thiết tha khẩn cầu sám hối, xin cho mình có thân tướng đẹp để được thấy ánh mặt trời. Ngay lúc đó, một luồng quang minh tỏa sáng và kim thân Đức Phật hiện ra trước mắt cô Nhìn hào quang tướng hảo của Đức Phật, công chúa vui mừng, lòng tôn kính lại càng gia tăng bội phần, cô phủ phục xuống đất quỳ lạy, nước mắt tuông thành dòng, cầu xin Thế Tôn:

- Duy nguyện Phật tổ từ bi thương xót con, khuyên dạy con, phá trừ nghiệp chướng cho con, giải thoát con ra khỏi cảnh thống khổ đang trôi cột. Con nguyện từ nay trở đi, đời đời kiếp kiếp hộ trì Tam Bảo.

Công chúa cầu xin như thế xong, ngược mắt lên chiêm ngưỡng thánh nhan, từ quang của Đức Phật chiếu sáng tâm can của cô.

Thật là bất khả tư nghĩ, ngay lúc ấy, khuôn mặt xấu xí của công chúa từ từ trở nên xinh đẹp thanh tú, làn da sần sùi đen đúa trở nên mịn màng phơn phớt hồng. Từ khuôn mặt, thân thể, chân tay, toàn thân công chúa Ba An La đã thay đổi, bây giờ tướng mạo cô tuyệt

diệu y như một thiên nữ cung trời. Đức Phật ở trên không trung còn thuyết pháp cho công chúa nghe, khiến tinh thần cô phấn chấn lên, bao nhiêu buồn thảm trước kia tan biến hết. Công chúa hân hoan sung sướng và an lòng rồi, Đức Phật còn dạy thêm:

- Ba An La công chúa! Bây giờ tuy công chúa tuy đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhưng vẫn phải tăng gia tinh chuyên tu trì. Kiếp người ngắn ngủi lắm, ta mong công chúa đừng để cuộc sống luống qua vô ích.

Đức Phật nói xong liền từ từ biến mất trong bầu không gian xa thẳm. Công chúa không còn phiền não âu sầu, lòng sùng kính tin tưởng vào Đức Phật tăng thêm gấp bội.

Bây giờ nhắc đến những người đã lén lấy chìa khóa cung điện, giả mạo thừa lệnh phò mã mở từng lớp từng lớp cửa để vào tới thâm cung. Trong tay họ có cầm xâu chìa khóa nên họ không gặp trở ngại nào và cứ thế đi thẳng vào gian nhà sau cùng. Họ nhìn qua khe cửa, thấy công chúa như phóng ánh sáng, xinh đẹp như một thiên nữ nên rất lấy làm kinh dị, không hiểu tại sao trên trần thế lại có thể có người nhan sắc tuyệt vời đến như thế! Họ không dám nán ná lâu, khóa kỹ lại các lớp cửa rồi vội vàng quay trở về. May quá phò mã chưa tỉnh, họ trả chìa khóa về chỗ cũ rồi đem những gì đã thấy ra kể cho mọi người nghe khiến ai nấy đều xôn xao bàn tán.

Hôm ấy, như mọi lần, phò mã về nhà thật khuya. Nhưng khi vào tới lớp cửa thứ bảy, ông kinh dị thấy một mỹ nhân đang ngồi bên giường.

- Cô là ai? Làm sao cô vào được nhà của chúng tôi? Công chúa đi đâu rồi?

- Phu quân không nhận ra thiếp cũng phải. Thiếp chính là Ba La An công chúa, vợ của phu quân đây!

Công chúa mỉm cười, tha thướt yêu kiều tiến tiến đến gần phò mã nhưng phò mã lùi lại mấy bước, hoang mang không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Công chúa bèn đem chuyện gặp Đức Phật ra kể cho phò mã nghe, rồi nói:

- Từ khi sinh ra đến giờ, thiếp chưa từng được thấy mặt bố mẹ một cách kỹ càng nên thiếp rất ao ước được gặp bố mẹ. Phu quân hãy vì thiếp mà về cung trước, xin phép phụ vương cho thiếp được diện kiến.

Dĩ nhiên phò mã hoan hỉ thực hành ngay lời yêu cầu của công chúa. Nhưng nhà vua vừa mới nghe nói công chúa đòi gặp liền cau mày, tỏ vẻ khó xử:

- Thôi khanh hãy về giữ cửa cho kỹ, nói với công chúa bỏ ý nghĩ ấy đi, đừng đi ra ngoài.

Phò mã biết ngay tại sao nhà vua cự tuyệt lời thỉnh cầu của công chúa nên đem chuyện công chúa lột xác cải dạng kể cho vua nghe. Vua nghe xong vô cùng mừng rỡ, lập tức gọi xe hoa và cung nữ đi nghênh tiếp công chúa hồi cung.

Sự thay đổi toàn diện của công chúa khiến cho nhà vua, hoàng hậu và phò mã vui mừng không kể xiết. Họ biết hạnh phúc gia đình này hoàn toàn nhờ tâm từ bi của Đức Phật, nên để báo Phật ân, họ đến Kỳ Viên tinh xá với rất nhiều phẩm vật cúng dường Tam Bảo. Vua Ba Tư Nặc đánh lễ Đức Phật xong, chấp tay bạch:

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài từ bi khai thị cho chúng con! Con gái chúng con đã tạo nghiệp gì mà kiếp này tuy được sinh ra nơi vương cung thọ hưởng mọi điều phú quý, nhưng lại xấu xí đen đúa như thế? Ngưỡng mong Thế Tôn giải thích cho chúng con nỗi thắc mắc này.

Đức Phật bèn đem chuyện quá khứ ra kể:

- Con người sinh ra đời, đẹp đẽ hay xấu xí đều do nghiệp quá khứ mà ra. Tội báo hay phúc báo đều như bóng theo hình, không có điều gì là ngẫu nhiên cả. Vì thế phải nói lý nhân quả báo ứng không mây may hư dối, sai trật.

Trong quá khứ nước Ba La Nại là một quốc gia phồn thịnh, nơi ấy có một vị trưởng giả rất giàu, giàu đến mức đồ đồ vách. Ông có tâm từ thiện và biết cung kính Tam Bảo, vì thế nên thường xuyên mời người xuất gia đến nhà cho ông được cúng dường. Trong số những người này, có một vị đã chứng quả A La Hán là hay lui tới nhất. Vị này chuyên tu khổ hạnh, thấy rõ lý vô thường khổ không trong thế gian nên rất lo là trong vấn đề ăn mặc. Ông chỉ khoác trên thân một tấm cà sa rách nát, không biết mặc đã bao nhiêu năm mà vá trước rách sau, không có chỗ nào là lành lặn, coi được. Vì ông tiêu tụy rách rưới như thế nên cô con gái ông trưởng giả rất chán ghét ông. Vốn là một thiên kim tiểu thư, nên trong

vấn đề ăn mặc, cô chỉ dùng những thứ sang trọng đẹp đẽ nhất. Vì thế nên hình tướng xấu xí của vị A La Hán khiến cô khởi tâm khinh bỉ, cho đến nỗi có lúc cô đã thốt lời nhục mạ vị này.

Vị A La Hán tuy biết rõ điều ấy nhưng vẫn tiếp tục lui tới nhà cô nhận lãnh cúng dường trong mấy năm liền. Một hôm, vị La Hán ấy lại đến nhưng dùng cơm xong, ông liền bay lên hư không, thị hiện thần thông biến hóa đủ cách. Từ người ông, giữa hai lông mày phóng lửa và nước, hoặc ông nằm ngang giữa hư không mà không rơi xuống đất. Người nào nhìn thấy sự thị hiện kỳ diệu xuất thần như thế cũng thích thú kính phục. Cô tiểu thư con gái ông trưởng giả từ trước đến nay vốn coi thường vị La Hán, nay thấy thần thông vi diệu của ông bèn sinh lòng kính trọng, không ngờ một vị xuất gia với cái bề ngoài xấu xí ấy lại có công phu tu hành to lớn đến dường ấy, không thể nào trông mặt mà bắt hình dong được! Trước kia cô thật đã tỏ ra ngu xuẩn, thường xuyên oán trách một vị thánh tăng như thế, đúng là tội tày trời đáng chết! Cô bèn quỳ xuống đất nhìn lên vị A La Hán trên không trung mà sám hối, xin ngài khoan thứ cho cái tội ác khẩu kiêu mạn của mình trong quá khứ. Vị A La Hán trên không trung nhìn thấy cô tiểu thư đang sám hối như thế, chỉ mỉm cười nhẹ gạt đầu, rồi biến mất trong nháy mắt. Từ đó vị A La Hán ấy không còn đến nhà ông trưởng giả nhận cúng dường nữa. Cô tiểu thư nọ cũng từ đó thường lập đàn trai cúng dường chư tăng, làm việc thiện, bố thí rộng rãi để sám hối tội ác của mình lúc trước.

Đại vương, cô tiểu thư thời ấy chính là Ba An La công chúa hôm nay. Vì cái tội khinh mạn thánh tăng trong quá khứ nên sinh ra xấu xí khó coi, nhưng lại nhờ biết cúng Phật kính tăng nên được sinh ra trong vương gia, lại được gặp Phật để lột xác biến hình.

Lời nói của Đức Phật khiến tín tâm của đại chúng tăng tiến thêm lên. Họ không còn một mảy may tâm niệm nghi ngờ công đức và phước báo của việc cúng dường và tôn kính Tam Bảo.

21- CÚNG DƯỜNG ĐƯỢC PHƯỚC

Thuở xưa có một cặp vợ chồng rất nghèo khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, sống rất khổ sở, thường bị đói lạnh bức bách, mà không làm gì khác hơn để thay đổi tình thế được. Tuy họ đi khắp nơi tìm việc khó nhọc để làm, nhưng việc làm quá khó kiếm, nhìn thấy thiên hạ giàu có dư dả còn mình thì cùng khổ như thế, hai vợ chồng không ngừng cùng nhau than vãn thở dài. Trở về căn nhà rách nát của mình, người chồng tên Kê Di La ngồi trước mặt vợ nói rằng:

- Đức Phật có nói: người ta nghèo khổ là vì kiếp trước bủn xỉn tham lam. Tuy giàu có, gia tài vạn ức mà nếu không tu phúc, không bố thí thì kiếp sau chắc chắn không thể sống sung túc được.

Kê Di La ngừng một chút rồi lại nói tiếp:

- Than ôi! Chúng ta kiếp trước không tu phúc, không biết gieo trồng phúc điền nên kiếp này mới cùng khổ như thế này.

Vợ Ông nghe thế, vợ miệng nói mà không suy nghĩ:

- Thế thì bây giờ mình tu phúc đi! Đời này mình không giàu có, thì hy vọng đời sau khá hơn!

- Đúng vậy, tôi cũng nghĩ như bà. Nhưng hiện tại ba bữa ăn một ngày mình còn kiếm không ra, lấy tiền đâu mà bố thí với cúng dường đây?

Nói tới tiền thường làm cho người ta nhức đầu, không biết phải làm cách nào để đào cho ra. Nhưng đàn bà thường nhanh trí nên người vợ nghĩ ra ngay một giải pháp, nói với chồng rằng:

- Đừng lo! Ông hãy đem tôi đi bán làm đầy tớ cho người ta, lấy số tiền đó làm phúc, khó gì?

Bà thấy giải pháp của mình rất hay, nhưng Kệ Di La lắc đầu thờ dài:

- Không! Không thể làm như thế được! Tôi đem bà đi bán cho người ta rồi, làm sao tôi sống nổi đây!

Vì cặp vợ chồng này tuy nghèo khổ nhưng tình cảm của họ với nhau rất mặn nồng. Người vợ lại nói:

- Nếu ông không bỏ tôi ra được, thì cả hai chúng ta đều cùng đem thân mình đi bán lấy tiền làm Phật sự, thì việc thiện đó lại càng có giá trị chứ sao!

Hai vợ chồng bàn tính và quyết định rồi, bèn đến nhà một phú ông kẻ rõ ngọn nguồn. Phú ông ưng thuận mua họ, hai bên ngã ngũ giá cả, kỳ hạn cho họ 7 ngày để lập hội trai tăng cúng dường, sau 7 ngày ấy hai vợ chồng sẽ trở lại nhà phú ông làm đầy tớ trả nợ.

Cầm số tiền trong tay, hai vợ chồng Kệ Di La mừng rỡ vô cùng, chạy mau đến chùa lập hội trai tăng cúng dường. Hai người quên hết tất cả mọi khổ sở, hết lòng hết dạ phụng sự đại chúng, họ cảm thấy rằng đó là những ngày quý giá nhất đời họ, và cũng là những cuối cùng thuộc về họ. Trong số 7 ngày ấy, họ muốn thay đổi vận mệnh của mình và tu nhân phước đức cho đời vị lai.

Sáu ngày trôi qua, đến ngày cuối bỗng nhiên nhà vua cũng đến chùa mở hội trai tăng. Theo tục lệ thì khi vua đến, bất kỳ người nào cũng phải nhường chỗ cho vua cúng dường trước, những Kệ Di La nhất định không chịu nhường. Nhà vua không bằng lòng, cho triệu Kệ Di La đến. Trước mặt nhà vua, Kệ Di La thật tình thưa rằng:

- Tôi bệ hạ, xin bệ hạ tha lỗi hạ thân vô lễ. Chỉ vì hôm nay là ngày cuối cùng thuộc về hạ thân, ngày mai hạ thân sẽ thuộc về người khác mất rồi, cho nên hạ thân không thể nhường cho bệ hạ ngày cuối cùng của hạ thân để làm việc trai tăng.

Nhà vua nghe thế bèn hỏi Kệ Di La nhân duyên gì lại đến đây làm lễ trai tăng cúng dường, và nhất là tại sao bắt đầu từ ngày hôm sau lại thuộc về người khác?

Kệ Di La kể hết mọi sự cho vua nghe, vua cảm thấy tội nghiệp họ và khen ngợi tinh thần không tiếc tiền, không tiếc thân, không tiếc mạng sống của họ. Vì vậy vua ban cho họ rất nhiều quần áo, của cải quý giá, và còn cắt cho rất nhiều đất để họ lấy đó kiếm sống.

Nhân quả không bao giờ lừa dối ai, người nào chân thành phát tâm bố thí cúng dường sẽ tự nhiên gặp những cơ hội phát tài không thể nào ngờ được!



22- ĐỒNG TIỀN GÂY PHIÊN LUY

Ngày xưa một vị bà la môn ở Ấn Độ sinh hạ được một cậu con trai tuấn tú đoan chính, nên được cha mẹ hết mực cưng chiều. Cậu bé từ nhỏ đã thông minh lạ thường, hoàn toàn không giống với những đứa trẻ khác. Cậu đã trải qua quãng đời thơ ấu sung sướng hạnh phúc trong nhung lụa, không chút ưu phiền.

Thường thường con người hay bị dục lạc mê hoặc, khi sống một cuộc sống sung sướng thì không thể nào nghĩ đến cái mặt trái đau khổ của cuộc đời, chỉ có bậc siêu nhân mới không bị dục lạc mà thôi. Thì chính đứa bé con nhà bà la môn ấy có trí huệ của một vị cao nhân, tuy lớn lên trong hoàn cảnh giàu có, nhưng cũng hiểu rõ thế nào là đau khổ, là tội ác của nhân sinh. Vì thế khi cậu thành niên, bèn từ biệt cha mẹ xuất gia làm tỳ kheo.

Một hôm trên đường giáo hóa về, trong một khu rừng cành lá che khuất, thầy gặp một đoàn người đi buôn, họ là những người trên đường ra nước ngoài để làm ăn buôn bán, đi ngang qua chỗ ấy. Lúc ấy trời chạng vạng tối, mặt trời đã vội lặn về tây, đoàn người đi buôn bèn đóng trại để qua đêm tại đây. Vị tỳ kheo nọ nhìn thấy những cỗ xe lớn nhỏ của họ nhưng không nói lời nào, chỉ chậm rãi đi bộ qua lại ở gần doanh trại mà thôi.

Lúc ấy, từ đầu phía kia của khu rừng rậm, có một lũ cướp kéo đến rất đông. Chúng nghe ngóng biết được có đoàn thương gia sẽ đi ngang chỗ này, nên tính lợi dụng ban đêm để ùa vào cướp bóc tài sản của họ. Nhưng khi chúng đến sát gần doanh trại nơi các thương gia đang ngủ, thì lại thấy có người quanh quần dạo chơi ở bên ngoài lều. Những tên cướp sợ đoàn thương gia này có đề phòng, nên nghĩ phải chờ mọi người ngủ say hết mới dễ động thủ. Nhưng cái người ở ngoài đi qua đi lại ấy suốt đêm lại không vào lều nghỉ ngơi. Trời đã từ từ sáng, bọn giặc núi không làm sao tìm được một lúc sơ hở để ập vào doanh trại cướp bóc, bèn tức giận to tiếng chửi rủa rồi kéo nhau đi. Đúng lúc ấy, bọn người đi buôn trong trại vừa ngủ dậy, thình lình nghe tiếng ồn ào ở bên ngoài thì vội vàng chạy ra xem, chỉ thấy một bọn cướp núi rất đông tay cầm chùy sắt, gậy gỗ, đang hướng về núi mà chạy đi. Phía ngoài trại chỉ duy nhất có một vị xuất gia, bọn người đi buôn khiếp đảm chạy đến hỏi :

- Đại sư! Ngài có thấy bọn cướp núi không?

- Có chứ! Tôi thấy họ ngay từ đầu.

Vị tỳ kheo trả lời.

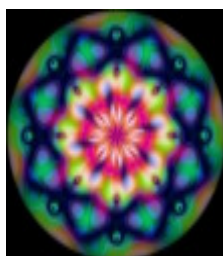
- Đại sư, đoàn người đi buôn lại hỏi, bọn chúng đông như thế, ngài không sợ hay sao? Ngài đơn độc chỉ có một mình, làm sao có thể địch nổi chúng nó?

Vị tỳ kheo chẳng lộ vẻ chút gì sợ hãi hay lo lắng, điềm tĩnh trả lời:

- Người có tiền thấy giặc cướp mới lộ vẻ sợ hãi. Tôi chỉ là một người xuất gia, trong thân không có lấy một đồng một chữ, thì tôi sợ cái gì? Cái mà bọn cướp muốn là tiền tài và bảo vật, tôi không có một vật gì gọi là đáng giá, thì đâu có ở rừng sâu hay núi thẳm, cũng không hề có tâm sợ hãi.

Những lời nói của vị tỳ kheo khiến những người đi buôn ấy rất cảm động, nghĩ rằng mọi người sẵn sàng xả mệnh để đổi lấy những vật không thật như kim tiền, còn đời sống bình an, thật sự tự do tự tại thì không ai màng đến.

Vì thế họ bèn phát tâm xuất gia tu hành với vị tỳ kheo. Từ đó, họ thể nhập được ý nghĩa khổ, không của thế gian này, và thấy rằng tiền tài vô thường mà họ mang trong thân là nguyên nhân của biết bao phiền lụy!



23- ĐỪNG LÃNG PHÍ

Lúc Đức Phật còn tại thế, có một vị đệ tử được người ta cúng dường quần áo, mặc chỉ hai ba hôm là đã dơ bẩn, rách rưới; lúc ăn cơm, bát cơm chưa vét hết là đã đứng dậy mà đi, không hề biết giữ gìn tiếc rẻ vật dụng.

Có một hôm, Đức Phật bảo người này hãy cởi bỏ áo cà sa vào thành khát thức. Khi ông vào thành, những người lúc trước vẫn thường cúng dường ông thì hôm nay thấy ông, nhất định không ai chịu cúng dường. Vừa thấy ông trở về, Đức Phật hỏi:

- Hôm nay ông được cúng dường những gì?

- Bạch Thế Tôn, hôm nay con không nhận được gì hết. Thịnh Thế Tôn cho con mặc áo cà sa trở lại.

- Ta tính trả lại cho ông tấm áo cà sa mà ông gửi cho ta giữ nhưng lại quên mất để nó ở chỗ nào. Thôi thì ở đây có mớ bông gòn, ông có thể lấy mà tự may áo cà sa mặc cũng được.

Đức Phật giao cho vị đệ tử này một bó bông gòn, ông cầm lấy tự nghĩ, làm sao mà may áo với những thứ này? Ông nói với một giọng châm biếm :

- Bạch Thế Tôn, con không phải là nhà ảo thuật, làm sao có thể may áo cà sa với mớ bông gòn này?

- Áo cà sa là do bông gòn làm thành, không cần phải là nhà ảo thuật mới có thể làm được, có một vài công việc cố định phải làm, và ai cũng có thể làm được. Nhưng để biến bông gòn thành vải phải mất rất nhiều công lao gian khổ, phải hái bông gòn, kéo thành sợi, dệt thành vải, sau đó cắt may mới thành được một tấm cà sa Áo cà sa mà ông đang cần đó, phải làm như thế mới có được.

Đức Phật trả lời vị đệ tử. Người này kinh ngạc hỏi:

- Trời ơi, phiền phức đến thế sao?

- Phải rồi, muốn làm thành một tấm cà sa phải trải qua bấy nhiêu đó gian khổ. Vì thế ông phải biết gìn giữ đồ vật, mà không phải chỉ có quần áo mà thôi đâu. Ta thấy ông ăn cơm cũng phí phạm như thế. Ông phải biết, một hạt thóc là do người nông phu phải cực nhọc làm lụng mà ra. Hạt thóc ấy muốn nấu cho thành cơm, thì phải gieo mạ, nhổ cỏ, bỏ phân, tưới tẩm v.v... Chúng ta được sống qua ngày một cách an ổn như thế này là do sự giúp đỡ của rất nhiều người. Chúng ta không nên quên lãng ân huệ ấy, mà phải dùng cái tâm tri ân để gìn giữ đồ đạc mà họ cúng dường cho chúng ta, và lấy sự tu hành chuyên cần để báo đáp ơn thí chủ.

Đức Phật không phải là một vị chuyên môn trong vấn đề tài chánh, và tài sản, châu báu đối với Ngài không có ý nghĩa gì. Nhưng dầu là một cọng cỏ, một nhánh cây trên thế gian này, không có vật gì là Ngài không cẩn thận gìn giữ. Có thể nói Ngài là nhà kinh tế lỗi lạc nhất.



24- EM BÉ GÁI CHẤP TAY

Có một lần, lúc Đức Phật đang tuyên thuyết pháp Đại thừa tại thành Vương Xá, trong đạo tràng của Ngài có một người đàn bà hiền đức tài giỏi tên là Tỳ Lô.

Bà Tỳ Lô không những là một người vợ đảm đang, một người mẹ hiền trong gia đình, mà ngoài xã hội cũng được tiếng là một người đàn bà gương mẫu. Vì thế, một khi bà lên tiếng kêu gọi ai làm chuyện gì, thì lời kêu gọi của bà có hiệu lực rất lớn.

Trong pháp hội ngày hôm ấy, bà đã tập họp được hằng trăm, hằng ngàn người đàn bà khác đến nghe pháp.

Tuy họ toàn là những người sơ phát tâm, nhưng ai cũng bắt chước Tỳ Lô chấp tay nghe thuyết pháp.

Đức Phật đang giảng kinh, bỗng ngừng lại, hướng về tôn giả A Na Luật đang ngồi giữa đại chúng mà hỏi:

- A Na Luật ! Ông đã thấy được chuyện gì? Có thấy điều chi đặc biệt và lạ lùng không?

Ngài A Na Luật được Đức Phật hỏi đến như thế, liền đứng dậy cung kính trả lời:

- Bạch Thế Tôn, mọi người yên tịnh lắng nghe pháp âm của Phật thì đương nhiên tự động chấp tay kính cẩn lắng nghe. Con nay lại thấy thai nhi mà tín nữ Tỳ Lô đang mang trong lòng mà cũng chấp tay nghe pháp, con rất lấy làm lạ!

Lúc ấy, quả thật Tỳ Lô đang mang thai, và đứa bé gái trong bào thai hấp thụ tính hiền hòa của mẹ, cộng với thiện duyên của chính mình nên tuy hãy còn ở trong bụng mẹ mà cũng biết chấp tay nghe kinh.

Tôn giả A Na Luật là một vị A La Hán đã chứng đắc được thiên nhãn thông, nên bất cứ vật gì dầu trong dầu ngoài, ngài cũng đều có thể thấy hết.

Đức Phật lại nói:

- Lành thay! Lành thay! Trong số đông những vị A La Hán ở đây, A Na Luật, ông là người có thiên nhãn thông, có thể thấy được những việc hiếm có mà người khác chưa từng thấy. Đó là điều khiến ông hơn tất cả mọi người.

A Na Luật, ông thấy không, trong mười phương thế giới, chim bay thú chạy, ngay cả trong loài côn trùng, chưa hề có một đứa bé còn trong bụng mẹ mà đã biết chấp tay nghe kinh như mẹ vậy. Đó chính là vì âm thanh viên mãn của Phật có năng lực thấu suốt qua tất cả mọi cảnh giới, khiến cho chúng sinh nào nghe được cũng đều phải chấp tay cung kính.

Đức Phật nói xong, muốn cho mọi người hiểu biết một chút về những sự kiện hy hữu trên thế giới, nên từ thân Ngài phóng ánh sáng làm cho bốn phương tám hướng, từ trên xuống dưới, tất cả được chiếu sáng không có gì trở ngại. Trong ánh từ quang sáng chói của Phật, không còn sự phân biệt giữa trong và ngoài, đâu đâu cũng y như nhau. Như thể được chiếu rọi bởi một tấm kính lớn đằng trước, không có vật gì có thể che dấu được.

Lúc ấy, những người trong pháp hội nghe kinh, trượng thừa pháp lực của Đức Phật, đã có thể thấy được những gì mà từ trước đến nay họ chưa hề được thấy nên ai nấy đều vui mừng vô kể.

Bà Tỳ Lô lúc ấy cũng biết rằng đứa con mình đang mang trong bụng sắp sửa ra đời, vì thế bà bèn đứng dậy, đánh lễ Đức Phật rồi lui xuống phía dưới, và chính lúc đó bà hạ sinh một đứa bé gái.

Khi đứa bé chào đời, trong không trung vang lên thiên nhạc tuyệt vời và những đóa hoa ngũ sắc lá tả rơi xuống. Rất nhiều người đàn bà vội vàng đem đến một bộ quần áo mới phủ lên thân thể hài nhi, tránh cho đứa bé bị lỏa thể khi đối diện với đại chúng.

Vị đệ tử thượng thủ của Đức Phật là Tôn giả Xá Lợi Phất thấy mọi chuyện xảy ra như thế, bèn đứng dậy hỏi rằng

- Bạch Thế Tôn! Nữ hài nhi này từ quốc độ nào đến? Kiếp trước đã tạo phước báo nào mà lại có thể ở giữa pháp hội cao quý này mà chào đời?

Đức Phật dịu dàng giảng cho Xá Lợi Phất và đại chúng biết lai lịch của đứa bé sơ sinh:

- Đứa bé sơ sinh này đến từ một nơi cách đây rất xa ở phía đông nam, nước ấy tên là Diêm Phù Đề. Rất nhiều kiếp về trước, cô luôn luôn cúng dường Phật và trai tăng, và còn phát nguyện tương lai sẽ sinh ra đời nơi pháp hội của Phật đang thuyết pháp, vì thế nên kiếp này cô được như nguyện và chào đời tại nơi đây.

Pháp âm của Phật cùng tất cả những điều lành lúc đứa bé sinh ra đời làm cho thánh chúng ngày hôm đó vô cùng hoan hỉ, họ phát nguyện đời đời kiếp kiếp quy y thánh pháp, cứu độ chúng sinh.



25- GIAI CẤP NHẤT ỨC LÝ

Ngày xưa, trong xã hội Ấn Độ, sự chênh lệch giữa người và người quả là rất nhiều. Vương Xá Thành ở miền nam nước Ấn, dân chúng rất giàu có nhưng không khỏi có sự phân biệt giai cấp.

Họ căn cứ vào tài sản ít hay nhiều mà phân thành 9 giai cấp, giữa các giai cấp, sự khác biệt vô cùng rõ rệt. Nhất ỨC LÝ là giai cấp của người dân thành thị giàu có nhất, dư giả nhất, gia sản phải lên tới cả ngàn vạn, cả trăm vạn; duy chỉ có những người giàu có như thế mới đủ tư cách để thuộc vào giai cấp Nhất ỨC LÝ ấy. Dĩ nhiên, giai cấp của họ là giai cấp đứng đầu nên không có người nào là không hâm mộ, ao ước.

Lúc ấy có một người thuộc về giai cấp chót hết của 9 giai cấp nói trên, rất ngưỡng vọng sự vinh quang phú quý của giai cấp Nhất ỨC LÝ, ông hy vọng sẽ có ngày vọt lên được địa vị của những người mà ông hâm mộ đó, nhưng không có điều kiện thiết yếu là một gia sản đáng giá trăm vạn. Vì muốn có đủ điều kiện, ông không ngại công lao khó nhọc, ngày đêm tìm đủ cách để buôn bán kiếm lời. Sau mười năm lao碌, ông chỉ gom góp được có 9 phần mười gia sản phải có để đạt được lý tưởng của mình. Nhưng than ôi, ông vướng phải một cơn bạo bệnh, bệnh tình nguy ngập, ông biết sẽ không còn sống lâu nữa nên gọi vợ đến căn dặn rằng:

- Tôi sẽ không lành bệnh được đâu, chỉ ân hận là nguyện vọng ôm ấp suốt cả một đời chưa đạt được. Con chúng ta nay chỉ mới 8 tuổi, chưa thể thừa kế được sự nghiệp của tôi. Tôi mong bà nuôi nấng cho nó thành người, nói cho nó biết điều tôi mong mỏi, và bảo nó kinh doanh sự nghiệp của chúng ta cho khéo léo hầu vào được giai cấp Nhất ỨC LÝ, thì lúc ấy ở tuổi vàng tôi cũng ngậm cười mà an nghỉ.

Đợi việc mai táng xong xuôi, người mẹ gọi con đến trước mặt dạy rằng:

- Cha con mất đi có để lại di ngôn, hy vọng con làm ăn buôn bán cho khéo léo, hầu có đủ điều kiện gia nhập vào giai cấp Nhất ỨC LÝ, để hoàn thành nguyện ước của cha con lúc sinh thời.

Đứa con nhỏ tuổi mà đã có trí huệ của một vị cao nhân, đã biết rõ một cách chân chánh thế nào là họa là phúc. Nó biết rằng tiền bạc châu báu của thế gian như một con rắn độc, từ xưa đến nay, biết bao nhiêu người đã vì tham cầu nó mà phạm vào đủ điều gian ác, không lùi bước trước bất cứ một thủ đoạn nào để làm tổn hại cho người, lợi ích cho mình, để rồi chiêu cảm trùng trùng điệp điệp quả báo đau khổ, chỉ vì không hiểu rành lý nhân quả.

Thiên hạ không hiểu rõ rằng phúc báo của một người không phải từ trên trời rớt xuống, không trông trời mà đòi gặt hái được sao? Phú quý có con đường của nó, chỉ có đi theo con đường bổ thí mới đến được cung thành phú quý.

Nhưng thằng bé biết rằng mẹ nó chưa đủ sức hiểu những lý lẽ ấy nên chỉ lựa lời thưa rằng:

- Con có một cách này rất hay, không cần đợi tương lai, mà ngay hiện tại có thể nhập vào giai cấp Nhất Ưc Lý, chỉ cần nhà có bao nhiêu tiền của, mẹ giao hết cho con.

Người mẹ nghe thế nửa tin nửa ngờ, nhưng bà thương con rất mực và muốn nương tựa vào con, nên đưa chìa khóa ngân khố tài bảo giao cho con.

Đứa bé đem toàn bộ gia sản, cả ngày ở ngoài đường mượn người khắc, nặn tượng Phật, xây dựng tháp miếu, cúng dường chư tăng, làm tất cả mọi sự để hoằng dương Phật pháp, rồi còn xuất ra một số tiền để cứu giúp người nghèo khổ. Chưa tới nửa năm, tài sản của người cha trọn đời dành dụm đã bị tiêu tan sạch bách!

Người mẹ tuy có phúc báo nhưng chưa thông hiểu được trí huệ của Pháp Phật. Bà không biết con mình là Bồ Tát tái sinh, không giống phàm nhân, mà trái lại có trí huệ cao siêu, có thần thông thâm diệu, đi lại tự tại trong ba cõi. Bà không biết rằng thí xả tài sản là con đường tắt để được phúc đức, được giàu sang phú quý, cứ làm theo lời Phật dạy thì sinh vào giai cấp Nhất Ưc Lý là một điều quá dễ dàng!

Vì bà không thể biết những điều ấy, lại mắt thấy tài sản cứ ngày theo ngày mà tiêu hao, nên trong lòng rất lo lắng. Không những không làm được dân của giai cấp Nhất Ưc Lý, mà còn không biết sẽ lấy gì mà sống nữa ! Nhưng tình thương con khiến cho bà không

nữ trách mắng, cũng không nữ ngăn cấm, vì đứa con hay lựa lời giải thích mỗi khi thấy mẹ quá lo lắng.

Không ngờ phước chưa được hưởng mà họa đã giáng lên đầu, thằng con trai thông minh, kháu khỉnh của bà sau một đêm lâm bệnh nặng, bác sĩ không đến kịp, đã lìa khỏi vòng tay của bà mà đi mất. Tài sản không còn, thằng con duy nhất cũng đã chết, người mẹ đau khổ chỉ muốn kết liễu đời mình cho xong, hận tại sao không được theo con mà chết!

Dục vọng con người sao mà nhiều thế, không tài nào kể xiết.

Có một vị phú ông ở giai cấp Nhất Ưc Lý, giàu có bậc nhất, tài sản lên tới tám trăm vạn, nhưng suốt ngày lại khổ não vì chưa có con trai nối dõi tông đường, gia sản kếch sù kia rồi ai sẽ là người thừa kế?

Ông suốt ngày ngồi kiệu, có chùa chiền miếu tự nào ông cũng vào cúng bái cầu xin sinh được một đứa con trai phúc huệ song toàn. Quả nhiên ít lâu sau, bà vợ cả của ông sinh cho ông một đứa con trai.

Đứa bé sinh ra rất kháu khỉnh, song có một điều nó không giống người thường, ai thấy cũng phải thấy lạ.

Mới sinh được ba hay bốn ngày, thằng bé cứ đối với mẹ như người lạ : lúc mẹ nó bồng lên thì nó rống lên khóc, mẹ cho bú, nó cũng khóc. Đút vú vào miệng thì nó không khóc cũng quay đầu chỗ khác, do đó hễ nó cất tiếng khóc là cả nhà quỳnh quáng lên, vì không bú sữa thì làm sao mà sống? Cả ngày cứ rống lên mà khóc thì làm sao sống? Hai điểm ấy làm cho cả nhà ai nấy cũng lo sợ bất an.

Còn phú ông lại càng khổ sở hơn nữa, thằng con cầu tự, khó khăn lắm mới có một đứa, ông xem nó quan trọng hơn sinh mệnh của mình. Ông bèn tuyên bố: hễ ai mà dỗ được cho con ông hết khóc, hay là làm cho nó chịu bú sữa thì ông sẽ đem lễ vật đến xin người ấy về làm gia quyến của ông.

Biết bao nhiêu người đàn bà đến xin thử, nhưng muốn vào nhà của đệ nhất phú ông thật không phải dễ! Người nào đến bồng đứa bé nó cũng chỉ có tài làm cho nó khóc to hơn, ôm nó còn không ôm nổi, huống gì cho nó bú!

Một vài ngày trôi qua, bao nhiêu người đàn bà đã thất vọng và đã quay về, duy chỉ có một người không biết tu hành từ đời nào mà đời nay được phúc báo, là được giữ lại.

Đó chính là người đàn bà vừa mất con vừa mất tài sản nọ. Chính bà cũng không hiểu rõ tại sao, bà nào hề có ý định đến xin thử, chỉ vì thấy có đông người và quang cảnh trước mắt vui vui, kêu lên tính hiếu kỳ của bà, bèn nhắm mắt đi theo đoàn người vào thử một phen. Có ai ngờ, khi thấy bà đưa bé như thấy người thân, ngừng ngay tiếng khóc ngang ngược của mình, lại còn nhìn bà nhoén miệng cười qua những giọt nước mắt!

Người làm công trao cho bà bình sữa, khi bà đút vào cái miệng nhỏ xíu của đứa bé thì ô kìa, nó bèn bú lấy bú để một cách ngon lành.

Tối đến trong nhà ai nấy đều đã ngủ say Bà không tài nào nhắm mắt, cứ ôn đi ôn lại từng việc đã xảy ra trong ngày hôm đó. Bà thật tình khó có thể tin được là mình đã bước vào giai cấp Nhất Ưc Lý.

- Ta đang nằm mơ chẳng? Bà lắm bảm tự hỏi.

- Không nằm mơ đâu mẹ!

Có người đang trả lời bà, nhưng người đó là ai? Bà ngồi bật dậy trên giường, nhón nhác nhìn quanh tìm kiếm.

- Mẹ, con đây mà!

Thì ra chính đứa bé đang nằm bên cạnh bà, con trai của lão phú ông đang nói chuyện với bà. Lão phú ông đã mời bà về làm vú em cho con mình, và giao đứa bé cho bà chăm sóc.

- Con?

Bà vô cùng kinh dị, một đứa bé sơ sinh làm sao đã biết nói chuyện, lại còn gọi bà bằng "mẹ" nữa?

- Đúng rồi, con là đứa con mà mẹ đã mất, nay tái sinh về đây! Mẹ đã không từng nói với con là ước vọng của ba trước khi mất, là muốn mẹ con mình vào giai cấp Nhất Ưc Lý

hay sao? Thì bây giờ mẹ con mình đang ở trong gia đình giàu có nhất của giai cấp Nhất
Úc Lý đây!

Bà ôm chầm lấy đứa con, giòng nước mắt từ từ lã xuống má.

Bây giờ thì bà hiểu rồi: gieo rắc tài sản chính là nhân của sự phát tài làm giàu về sau
vậy.



26- GIỜ CUỐI ĐÃ ĐIỂM

Trong đời người, từ lúc đầu sinh ra, phải trải qua lão và bệnh để rồi đi thẳng tới cái chết. Ai ai cũng phải đi qua quãng đường ấy, không có ai có thể thoát được. Có sinh thì nhất định phải có tử, chuyện sinh tử vô thường của đời người là một thật tướng vậy.

Thời xưa ở Ấn Độ, trong thành Xá Vệ có một ông phú hộ, khổ nổi phú quý không được vẹn toàn nên gia tài tuy kếch sù, nhưng tuổi đã gần 50 mà trong nhà chưa có tiếng trẻ khóc, vì thế ông đi cầu tự khắp nơi. Quả nhiên trời xanh không phụ lòng người có chí, chẳng bao lâu phu nhân hoài thai và 10 tháng sau sinh hạ được một cậu bé bụ bẫm trắng trẻo, hai vợ chồng mừng rỡ vô hạn.

Cha mẹ già sinh con muộn, nên đứa bé là con vàng con ngọc của họ, ngày nó đầy tháng, họ bèn mời rất đông quyền thuộc đến nhà uống rượu mừng, thật là nhộn nhịp vô cùng.

Đứa bé may mắn ấy lớn lên trong tình thương yêu trìu mến của mẹ cha, năm cậu 20 tuổi thì kết duyên với một cô gái xinh đẹp trong làng. Hai vợ chồng trẻ thương nhau đậm thắm, và cha mẹ cậu cũng rất đẹp lòng.

Nhưng trong đời, "*người không sống ba năm, hoa không nở ba tháng*", tai họa đã giáng xuống gia đình đang an vui êm ấm ấy.

Một ngày xuân đẹp trời, gió hiu hiu thổi, trăm hoa nở rộ, cặp vợ chồng son cùng nhau đi dạo trong khu vườn sau nhà. Trong lúc chuyện trò dưới gốc cây vô ưu, người vợ trẻ bỗng thấy một đóa hoa đang nụ sắp nở trên một cành cây, bèn nũng nịu bảo chồng:

- *Phu quân yêu dấu! Chàng có thể hái đóa hoa sắp nở kia xuống cho thiếp được không?*

Nghe người vợ thân yêu ngỏ lời yêu cầu, người chồng đương nhiên vội vàng trèo lên cây hái hoa cho nàng. Nhưng khi chàng vừa đưa tay lên về phía đóa hoa thì vô phúc thay, có âm thanh rãng rắc của tiếng cây gãy, trong thoáng chốc người và cành hợp thành một

khỏi mà rơi xuống, vừa chạm đất thì tính mệnh người chồng cũng không còn! Tai nạn xảy ra quá đột ngột khiến người vợ trẻ kinh hoàng ngất xỉu.

Khi hai vợ chồng phú hộ nghe tin bất hạnh này, họ không thể nào tin được đó là sự thật. Đứa con trai của họ mới thấy mặt đây còn mạnh khỏe, sinh động, thì làm sao bây giờ lại có thể trở thành một cái xác không hồn được? Nhưng sự thật hiển nhiên trước mắt, làm sao có thể không tin!

Hai vợ chồng già hoảng kinh, đau khô, còn người vợ trẻ thì tuyệt vọng muốn tự vẫn theo chồng, ai biết chuyện cũng phải rơi lệ thương cảm cho họ.

May sao, chính lúc đó Đức Phật đi ngang qua ngôi làng này để giáo hóa, khi biết được tin này, Ngài bèn tìm đến nhà ông phú hộ, an ủi một cách vô cùng từ bi:

- Đòi người trên thế gian, có sinh tức phải có tử, có thịnh thì phải có suy, không ai có thể làm khác được. Trong cõi thế giới Ta Bà này không làm sao có chuyện có sống mà không có chết. Không có sức người nào có thể đi ngược lại dòng sinh tử. Con của ông bà chết đi, không phải là do Trời quyết định, cũng không phải do ai làm hại. Cậu ấy sống là do vì các nhân duyên hòa hợp lại, cậu ấy chết là do vì các nhân duyên phân tán đi, thế thôi. Giống như một người lữ khách, không biết lúc nào đến và không biết lúc nào đi. Ông bà không nên quá thương tâm, hãy để cho tâm trí thư giãn một chút.

Nhưng những thánh ngôn chí lý của Đức Phật, người phàm phu ngu si không lãnh hội được hoàn toàn. Con người luôn luôn thấy rằng con cá nào mình câu hụt cũng vĩ đại, đứa con nào yếu mệnh cũng thông minh và ông chồng nào chết sớm cũng chung tình! Vì thế Đức Phật bèn dùng phương tiện nói với họ rằng:

- Được rồi, ông bà đừng buồn khóc nữa, ta sẽ cứu sống con của ông bà.

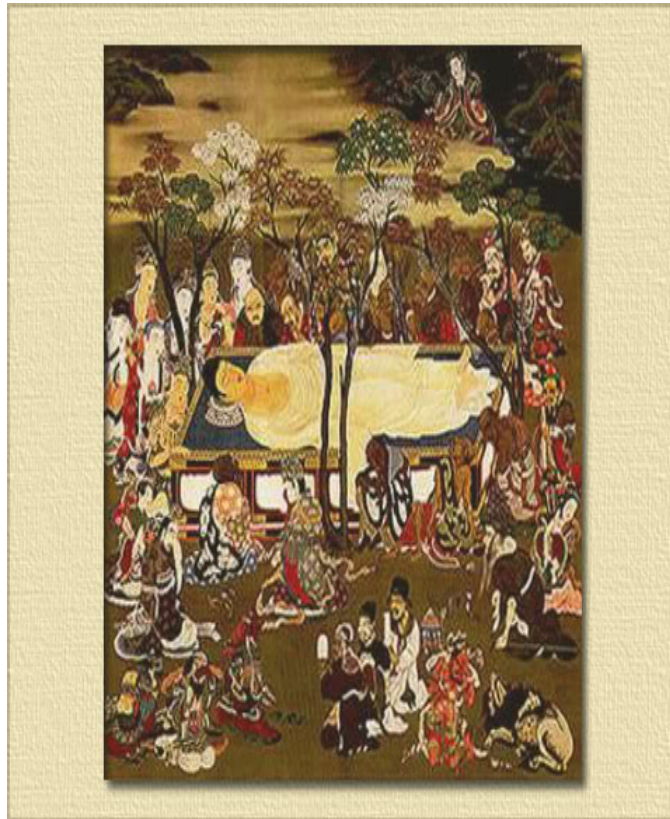
Nghe hai chữ "cứu sống", hai vợ chồng già mừng rỡ khấn đầu quỳ xuống đất lạy tạ, Đức Phật đỡ hai người dậy mà nói:

- Cứu sống cậu ấy thì không có gì khó, chỉ có điều phải đến nhà nào chưa từng có người chết để thả ba cây hương thì mới có kết quả.

Vì muốn cho đứa con đã chết được sống trở lại, hai vợ chồng già bèn chia nhau đi tìm. Nhưng trên thế gian, tìm ở đâu ra nhà nào chưa từng có người chết? Hai người đành tuyệt vọng cúi đầu trở về. Đức Phật lại thuyết giảng cho họ nghe:

- Hai người phải hiểu cho rõ. Làm người trong thế gian này, có sinh thì phải có tử. Thương yêu nhau ai hơn mẹ với con, gần gũi nhau ai hơn vợ với chồng, thế mà có được sống vĩnh viễn với nhau đâu? Người nào tráng kiện tới mấy, mạnh khoẻ tới mấy rồi cũng có ngày phải chết. Nếu hôm nay con trai của ông bà không chết thì tương lai cũng có lúc đôi bên phải chia lìa.

Lời của Đức Phật như hé mở cánh cửa trí huệ của hai vợ chồng già, cuối cùng họ giác ngộ rằng ở thế gian chuyện gì cũng vô thường, nên họ không còn quá bi lụy nữa.



27- GIỮ CỬA VÀ XẢ CỬA

Thưở xưa, có hai anh em cha mẹ mất sớm, để lại một gia sản to lớn. Không hiểu dưỡng được song thân, họ rất lấy làm buồn tiếc.

Thời gian vùn vụt trôi, hai anh em từ chí hướng đến ý thích khác biệt nhau rất xa. Người anh thì mến đạo nghĩa, thường thường làm việc thiện như bố thí của cải, do đó gia sản càng ngày càng tổn giảm; còn người em thì mê tài sản, trở tài mánh lới làm các thứ kinh doanh, nên gia sản càng ngày càng tăng thêm. Vì thế, người em rất bất mãn đời sống của anh mình. Một hôm, không chịu đựng được nữa, người em gọi anh ra lên mặt dạy dỗ:

- Anh em chúng ta bất hạnh nên cha mẹ mất sớm. Cha mẹ để lại gia tài cho chúng ta, chúng ta làm con, thì phải nhớ nghĩ đến từ tâm của cha mẹ, mau mau nỗ lực làm ăn buôn bán để giữ gìn và phát triển cái vốn gia sản sẵn có ấy khiến hương hồn của cha mẹ ở cõi trời được an ủi, thế mới đúng đạo làm con. Đằng này, anh từ sáng tới tối cứ lo chạy theo mấy ông sa môn xuất gia để nghe kinh Phật, không lẽ mấy ông ấy có thể cho anh áo quần tiền tài hay sao? Gia đình anh càng ngày càng nghèo khó, tài sản càng ngày càng hao hụt, không những có lỗi với hương hồn cha mẹ mà còn làm cho làng xóm chê cười.

- Những gì chú nói, anh đã biết rõ hết, nhưng đó chỉ là những ý nghĩ thiên cận của thế tục. Chú nghĩ rằng mình phải bảo trì và khuếch trương sản nghiệp của cha mẹ mới là tận hiếu. Nhưng anh thì hoàn toàn không nghĩ như chú. Làm như thế chẳng qua chỉ cho chú có thêm điều kiện hưởng thụ, chứ vong hồn cha mẹ được lợi ích gì trong đó? Còn anh thì lại lo giữ ngũ giới một cách nghiêm chỉnh, chuyên cần thực hành mười điều thiện, cúng dường Tam Bảo, lấy đạo cả mà cứu cha mẹ, khiến hương hồn cha mẹ được xa lìa nẻo khổ mà sinh về đường thiện, dần dần tiến đến chỗ giải thoát vĩnh hằng, đây mới là con đường báo hiếu chân chính.

Đạo và đời vốn tương phản nhau, cái mà đạo cho là sung sướng và quý giá thì đời lại chê là thấp hèn, đáng ghét. Những gì chú cho là khoái lạc hôm nay, chính là gốc rễ của

phiền não về sau. Anh không muốn đuổi theo những khoái lạc huyễn ảo như thế, cái khoái lạc mà người có trí huệ mong cầu là cái khoái lạc vĩnh hằng kia!

Người em nghe anh nói, cảm thấy mình không có lý lẽ để tranh cãi nhưng trong tâm thì không phục, bèn nén giận cúi đầu.

Người anh biết em mình không thể nói một lần mà hiểu, bèn phát biểu tâm chí muốn cầu học đạo của mình. Người em biết anh mình tâm đã cương quyết hướng về đạo nên im lặng, nén hận mà bỏ đi. Không lâu sau, người anh muốn cho việc học đạo của mình được chuyên tâm nên lìa bỏ gia đình, khoác y ôm bình bát làm sa môn, ngày đêm tinh tiến tu thiền, cẩn thận từng lời nói từng ý nghĩ, về sau chứng được quả A La Hán.

Người em nghe tin này, không những không vui mừng mà lòng phiền não giận hờn anh càng gia tăng thêm. Người này từ sáng đến tối lo làm ăn để tăng trưởng sự nghiệp cho đến mức đầu óc choáng váng, còn việc nhân sinh giải thoát thì không mảy may chú ý.

Cuối cùng, gia tài ức triệu nọ cũng không kéo dài được đời sống vốn có giới hạn. Quả thật là chết đi không đem theo được bất cứ vật gì, chỉ có cái nghiệp là theo sát bên thân.

Trong lúc sống người em quá ư tham dục nên bị đọa xuống kiếp súc sinh, đầu thai làm trâu. Con trâu sinh ra mạnh khoẻ mập mạp, liền bị một người nhà buôn mua về kéo xe muối.

Kéo xe trèo dốc đường dài, lao khổ không phút nào ngừng nghỉ, con trâu mất sức, gầy mòn, mỗi lần lên dốc thở phì phò mà vẫn bị roi vọt, trông thật là thê thảm, thương tâm. Vừa đúng lúc ấy, người anh đi ngang dùng đạo nhãn quán sát con trâu, biết đây là em mình nên nói để khai mở trí huệ cho em:

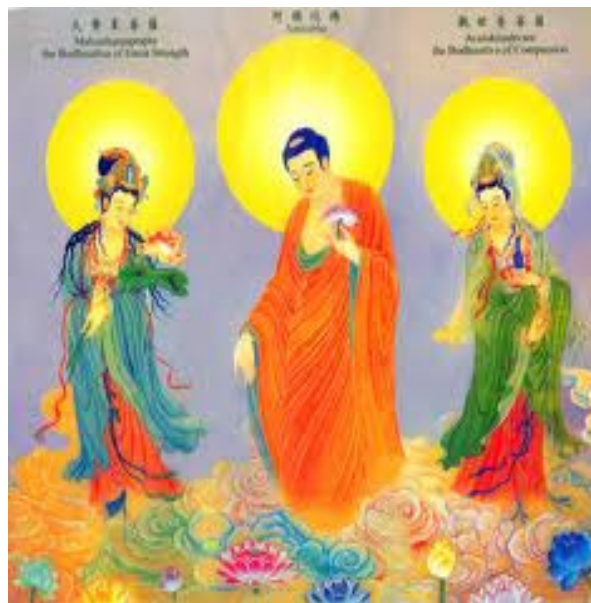
- *Chú một đời khổ cực, gia tài sản nghiệp chú gom góp được tính ra không biết bao nhiêu mà kể, bây giờ gia tài ấy đâu rồi? Trước kia, chú nói đạo cả là vô dụng vì không đem lại quần áo ăn uống, tiền tài mới đáng quý vì nó giúp chú thỏa mãn được mọi dục lạc. Bây giờ đạo cả lại làm cho anh giải thoát được luân hồi, chứng được quả thánh, còn tiền tài mà chú quý trọng tại sao lại không cứu chú thoát kiếp trâu mà sinh về nẻo thiện?*

Nói xong, người anh vận dụng thần thông khiến con trâu thấy được kiếp trước của mình. Con trâu tuy không nói được nhưng đau khổ rơi nước mắt, biết mình kiếp trước có được thân người nhưng lại làm nhiều điều bất thiện, tham lam, ganh ghét, không tin Phật pháp, khinh chê thánh chúng, không nghe lời khuyên bảo thiện lành của anh, cho đến nỗi bây giờ đọa làm thân trâu, hối tiếc thì đã quá muộn.

Người anh biết em mình đã có tâm niệm hồi hận và tự trách liền xin người chủ mua lại con trâu này, và đem mối quan hệ giữa mình và con trâu kể cho người chủ nghe. Người chủ trâu nghe xong tóc gáy dựng đứng rùng mình ghê sợ, không đòi tiền mà đem trâu dâng tặng cho người anh. Người anh dắt trâu về chùa phóng sinh, cho nó quy y Tam Bảo và dạy nó niệm Phật. Không lâu sau, con trâu chết đi, sinh lên cõi trời Đạo Lợi.

Về sau, người chủ con trâu nghĩ đến vấn đề sinh tử luân hồi, cũng xả bỏ tất cả chuyên tâm tìm học đạo, cuối cùng được mãn nguyện, chứng được thánh quả, giải thoát phiền não.

Nỗ lực kiếm tiền cho chính bản thân mình thì tiền ấy không hề thuộc quyền sở hữu của mình; còn dùng tiền tài để đem lại hạnh phúc cho xã hội, ích lợi cho chúng sinh, thì tiền tài ấy mới chính thật thuộc về mình. Có nhân thì tất nhiên phải có quả, đây là một đạo lý bất di bất dịch.



28- HAI ĐỨA BÉ SINH ĐÔI

Trong một ngôi làng ở ngoài thành Xá Vệ, có khoảng chừng sáu, bảy chục ngôi nhà tụ lại, trong số ấy có nhà một cặp vợ chồng rất nghèo khổ, người chồng phải đi làm thuê cho người khác kiếm ăn.

Sau đó người vợ sinh đôi được hai đứa bé trai, tướng mạo đoan chính không ai bì kịp. Hai vợ chồng thương yêu hai đứa bé vô cùng, đặt tên cho một đứa là Song Đức, đứa kia là Song Phước.

Một hôm, người chồng đi chăn trâu chưa về còn người vợ thì lên núi nhặt củi khô, để hai đứa bé nằm trên giường. Hai đứa bé ở nhà một mình, cùng nhau than vãn thở dài, một đứa nói:

- Phải chi lúc đầu thời còn tu hành mình đừng phát những ý tưởng ngu si, mà cho rằng đời sống có thể kéo dài, thì có phải bây giờ khỏi bị đọa vào con đường sinh tử luân hồi không! Huynh coi, sinh trong cái gia đình nghèo hèn như thế này, ngủ thì ngủ trong rơm rạ, ăn thì ăn rau cải thô thiển, chỉ có thể miễn cưỡng giữ thân mạng, không biết sau này làm sao mà sống qua ngày đây?

Đứa kia nói:

- Hồi trước làm lỡ có một chút, không chịu tinh tấn tu hành, hôm nay mới gặp khổ nạn, đó là tự mình bê trễ thì tự mình chịu lấy. Bây giờ chỉ còn biết ngậm bồ hòn làm ngọt, chứ còn gì để nói năng nữa?

Hai đứa bé đang cùng nhau tâm sự nói ra những phiền não trong lòng thì cha mẹ chúng về tới và nghe thấy hết. Hai đứa bé mới sinh sắp đầy tháng mà đã biết nói chuyện làm cho họ sửng sốt, nghi rằng đây là quý quái sinh vào nhà họ, nên bàn với nhau là nên đem hai đứa bé ấy giết đi. Người cha lập tức ra ngoài đi nhặt củi, người mẹ bèn hỏi: "Ông tính làm gì vậy?" Chồng bà trả lời:

- Tôi muốn đem chúng đi thiêu để dứt tuyệt hậu hoạn!

Người vợ nghe thế trong lòng sầu muộn, tìm đủ cách ngăn chặn chồng lại. Ngày hôm sau, hai vợ chồng cùng đi ra ngoài, Song Đức và Song Phước lại thở than với nhau như hôm trước. Thấy thế hai vợ chồng bèn quyết tâm trừ khử chúng đi, nên cùng mang củi về nhà chất thành một đống, sửa soạn ném con vào lửa để không bị phiền não về sau.

Đức Phật có thiên nhãn nên biết được việc này, bèn hiện thân trong làng, hào quang chiếu cả ngàn dặm, núi, sông, cây, rừng, tất cả đều phủ lên ánh sáng hoàng kim.

Đức Phật đến trước nhà hai đứa bé sinh đôi, đứa bé thấy hào quang của Ngài, bèn quơ tay múa chân tỏ vẻ hết sức mừng rỡ.

Cha mẹ chúng thấy thế rất đổi kinh ngạc, mỗi người ôm một đứa bé đến trước Đức Phật thỉnh ý:

- Thế Tôn! Hai đứa bé này sinh ra chưa đầy tháng mà đã biết mở miệng nói chuyện, thật là không sao hiểu nổi! Thế Tôn! Chúng con phải làm sao với chúng nó đây? Xin Ngài từ bi chỉ dạy cho chúng con!

Đức Phật thấy hai đứa bé tỏ lộ sự hân hoan không cùng của mình khi thấy được kim dung của Ngài thì mỉm cười, miệng phóng ra ánh sáng 5 màu mà nói:

- Hai đứa bé này không phải là yêu quái đầu thai, mà là hai đứa bé rất có phước đức.

Và Đức Phật kể cho họ nghe nhân duyên quá khứ như sau:

- Lúc Đức Phật Ca Diếp còn tại thế, thì hai đứa bé này đã là sa môn. Hai đứa bé lúc nhỏ đã chơi thân với nhau, tâm đầu ý hợp nên cùng nhau xuất gia học đạo.

Hai người tu hành rất chuyên cần tinh tiến, thì ngay cái sát na sắp chứng đạo, đột nhiên tà kiến khởi dậy, vì thế mà bị đọa lạc không thể giải thoát được. Họ trầm luân trong bể khổ sanh tử thật lâu, đời nào kiếp nào cũng sinh ra làm anh em sinh đôi. Sinh ra lần này, do bởi đã từng cúng dường Như Lai và nghiệp tội cũng vừa hết, nên phải được độ hóa. Hôm nay ta đặc biệt đến đây để độ hai người này.

Hai vợ chồng nghe lai lịch hai đứa bé xong, mừng rỡ vô hạn, tự nguyện sẽ hết lòng nuôi dạy chúng cho đến lớn khôn.

Đức Phật đến cứu hai đứa bé này là vì chúng đã từng có quan hệ phúc đức với Ngài.

Vì thế, dầu tu không chứng quả được trong một đời, nhưng phúc đức của người tu hành không hề mất, tai ương sẽ tự nhiên biến thành cát tường.

